VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2017/TT-BTNMT	*Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2017*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2017.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phương Hoa

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH TIỀN GIANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2017/TT-BTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000 khu vực tỉnh Tiền Giang.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt theo từng nhóm đối tượng địa lý, gồm: dân cư, kinh tế - xã hội, thủy văn, sơn văn; các đơn vị hành chính cấp xã, gồm: thị trấn, xã và các đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: thành phố, thị xã và các huyện. Trong đó:

a) Cột "Địa danh" là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột "Nhóm đối tượng" là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột "Tên ĐVHC cấp xã" là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: "P." là chữ viết tắt của "phường"; "TT." là chữ viết tắt của "thị trấn"; "X." là viết tắt của "xã".

d) Cột "Tên ĐVHC cấp huyện" là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: "TP." là chữ viết tắt của "thành phố"; "H." là chữ viết tắt của "huyện"; "TX." là chữ viết tắt của "thị xã".

đ) Cột "Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng" là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột "Địa danh"; đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột "Tọa độ trung tâm"; nếu đối tượng địa lý thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột "Tọa độ điểm đầu" và "Tọa độ điểm cuối".

e) Cột "Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình" là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 chứa địa danh chuẩn hóa ở cột "Địa danh".

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH TIỀN GIANG

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Tiền Giang gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	TP. Mỹ Tho	
2	TX. Cai Lậy	
3	TX. Gò Công	
4	Huyện Cái Bè	
5	Huyện Cai Lậy	
6	Huyện Châu Thành	
7	Huyện Chợ Gạo	
8	Huyện Gò Công Đông	
9	Huyện Gò Công Tây	
10	Huyện Tân Phú Đông	
11	Huyện Tân Phước	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 1	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'20"	106°21'54"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'32"	106°21'57"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'29"	106°21'47"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'37"	106°21'50"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'35"	106°21'42"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'17"	106°21'40"					C-48-45-B-c
đường 30 Tháng 4	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'14"	106°21'34"	10°21'13"	106°21'57"	C-48-45-B-c
Bệnh viện Đa khoa Trung tâm Tiền Giang	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'22"	106°21'48"					C-48-45-B-c
đường Hùng Vương	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°21'44"	10°22'48"	106°21'52"	C-48-45-B-c
đường Lê Lợi	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'13"	106°21'53"	10°21'50"	106°21'55"	C-48-45-B-c
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'37"	10°21'10"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Ngô Quyền	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'40"	106°21'37"	10°21'39"	106°22'00"	C-48-45-B-c
đường Rạch Gầm	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°21'34"	10°21'18"	106°21'58"	C-48-45-B-c
tuyến phà Tân Long	KX	Phường 1	TP. Mỹ Tho	10°21'08"	106°21'59"					C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 1	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'19"	106°22'03"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'18"	106°22'08"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'13"	106°22'13"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'10"	106°22'21"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 5	DC	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'09"	106°22'36"					C-48-45-B-d
đình Điều Hòa	KX	Phường 2	TP. Mỹ Tho	10°21'16"	106°22'06"					C-48-45-B-c
đường Đinh Bộ Lĩnh	KX	Phường 2	TP. Mỹ Tho			10°21'24"	106°22'00"	10°21'11"	106°22'47"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Bảo Định	TV	Phường 2	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 2	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
Khu phố 1	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'26"	106°22'08"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'35"	106°22'04"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'33"	106°22'09"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'32"	106°22'12"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'34"	106°22'16"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'32"	106°22'20"					C-48-45-B-c
Khu phố 7	DC	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'47"	106°22'09"					C-48-45-B-c
Đường tỉnh 879	KX	Phường 3	TP. Mỹ Tho			10°21'38"	106°22'21"	10°28'43"	106°23'24"	C-48-45-B-c
chùa Bửu Lâm	KX	Phường 3	TP. Mỹ Tho	10°21'44"	106°22'10"					C-48-45-B-c
đường Đinh Bộ Lĩnh	KX	Phường 3	TP. Mỹ Tho			10°21'24"	106°22'00"	10°21'11"	106°22'47"	C-48-45-B-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	Phường 3	TP. Mỹ Tho			10°22'42"	106°22'02"	10°21'33"	106°22'24"	C-48-45-B-c
rạch Gò Cát	TV	Phường 3	TP. Mỹ Tho			10°22'06"	106°23'08"	10°21'55"	106°21'54"	C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 3	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'51"	106°21'33"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 2	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'48"	106°21'25"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'39"	106°21'24"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'30"	106°21'24"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'45"	106°21'28"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'31"	106°21'28"					C-48-45-B-c
Khu phố 7	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'32"	106°21'35"					C-48-45-B-c
Khu phố 8	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'16"	106°21'22"					C-48-45-B-c
Khu phố 9	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'22"	106°21'20"					C-48-45-B-c
Khu phố 10	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'24"	106°21'25"					C-48-45-B-c
Khu phố 11	DC	Phường 4	TP. Mỹ Tho	10°21'12"	106°21'25"					C-48-45-B-c
đường Ấp Bắc	KX	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°21'45"	106°21'37"	C-48-45-B-c
đường Lê Thị Hồng Gấm	KX	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°21'01"	106°20'14"	10°21'14"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°22'22"	106°20'52"	10°21'19"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'37"	10°21'10"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°21'55"	106°21'23"	10°21'09"	106°21'17"	C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 4	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°22'09"	106°21'04"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'54"	106°21'07"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'41"	106°21'15"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'42"	106°20'37"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'57"	106°21'17"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°22'13"	106°21'11"					C-48-45-B-c
Khu phố 7	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°22'09"	106°21'22"					C-48-45-B-c
Khu phố 8	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°22'13"	106°20'38"					C-48-45-B-c
Khu phố 9	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'51"	106°20'50"					C-48-45-B-c
Khu phố 10	DC	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°21'58"	106°20'43"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°19'59"	106°20'35"	C-48-45-B-c
đường Lê Văn Phẩm	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'03"	10°21'35"	106°19'30"	C-48-45-B-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°22'22"	106°20'52"	10°21'19"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Nguyễn Thị Thập	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°22'39"	106°20'32"	10°20'51"	106°20'24"	C-48-45-B-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°21'55"	106°21'23"	10°21'09"	106°21'17"	C-48-45-B-c
Trường Đại học Tiền Giang (Cơ sở 1)	KX	Phường 5	TP. Mỹ Tho	10°22'01"	106°21'21"					C-48-45-B-c
rạch Đạo Ngạn	TV	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°22'02"	106°20'21"	10°22'21"	106°20'57"	C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 5	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'13"	106°20'34"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°20'59"	106°20'28"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'07"	106°20'55"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'11"	106°21'11"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'19"	106°21'14"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'15"	106°21'12"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 7	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'25"	106°21'14"					C-48-45-B-c
Khu phố 8	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'19"	106°21'02"					C-48-45-B-c
Khu phố 9	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'17"	106°21'05"					C-48-45-B-c
Khu phố 10	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'32"	106°21'00"					C-48-45-B-c
Khu phố 11	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'22"	106°21'07"					C-48-45-B-c
Khu phố 12	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'26"	106°20'25"					C-48-45-B-c
khu phố Mỹ Thạnh Hưng	DC	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'27"	106°20'15"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°19'59"	106°20'35"	C-48-45-B-c
Đường tỉnh 864	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-B-c
Viện Quân Y 120	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°21'21"	106°20'10"					C-48-45-B-c
cầu Rạch Miễu	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho	10°20'43"	106°20'26"					C-48-45-B-c
đường Lê Thị Hồng Gấm	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°21'01"	106°20'14"	10°21'14"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Lê Văn Phẩm	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'03"	10°21'35"	106°19'30"	C-48-45-B-c
đường Lý Thường Kiệt	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°22'22"	106°20'52"	10°21'19"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Nguyễn Thị Thập	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°22'39"	106°20'32"	10°20'51"	106°20'24"	C-48-45-B-c
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°21'55"	106°21'23"	10°21'09"	106°21'17"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	Phường 6	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'46"	106°21'56"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'42"	106°21'59"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'45"	106°21'51"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'47"	106°21'41"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'51"	106°21'39"					C-48-45-B-c
Khu phố 6	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'52"	106°21'45"					C-48-45-B-c
Khu phố 7	DC	Phường 7	TP. Mỹ Tho	10°21'55"	106°21'49"					C-48-45-B-c
đường Hùng Vương	KX	Phường 7	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°21'44"	10°22'48"	106°21'52"	C-48-45-B-c
đường Lê Lợi	KX	Phường 7	TP. Mỹ Tho			10°21'13"	106°21'53"	10°21'50"	106°21'55"	C-48-45-B-c
đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	KX	Phường 7	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'37"	10°21'10"	106°21'34"	C-48-45-B-c
đường Ngô Quyền	KX	Phường 7	TP. Mỹ Tho			10°21'40"	106°21'37"	10°21'39"	106°22'00"	C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 7	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'26"	106°22'18"					C-48-45-B-c
Khu phố 2	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'24"	106°22'22"					C-48-45-B-c
Khu phố 3	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'20"	106°22'24"					C-48-45-B-c
Khu phố 4	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'19"	106°22'29"					C-48-45-B-d
Khu phố 5	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'17"	106°22'36"					C-48-45-B-d
Khu phố 6	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'15"	106°22'43"					C-48-45-B-d
Khu phố 7	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'22"	106°22'41"					C-48-45-B-d
Khu phố 8	DC	Phường 8	TP. Mỹ Tho	10°21'34"	106°22'42"					C-48-45-B-d
Đường tỉnh 879B	KX	Phường 8	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°27'21"	106°26'44"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
đường Đinh Bộ Lĩnh	KX	Phường 8	TP. Mỹ Tho			10°21'24"	106°22'00"	10°21'11"	106°22'47"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Trần Nguyên Hãn	KX	Phường 8	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°22'06"	106°23'08"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
Khu phố 1	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'38"	106°22'54"					C-48-45-B-d
Khu phố 2	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'58"	106°23'16"					C-48-45-B-d
Khu phố 3	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'39"	106°23'07"					C-48-45-B-d
Khu phố 4	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'13"	106°23'20"					C-48-45-B-d
Khu phố 5	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'04"	106°23'10"					C-48-45-B-d
Khu phố 6	DC	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'23"	106°22'52"					C-48-45-B-d
Quốc lộ 50	KX	Phường 9	TP. Mỹ Tho			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-45-B-d
Đường tỉnh 879B	KX	Phường 9	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°27'21"	106°26'44"	C-48-45-B-d
Cụm công nghiệp Tân Mỹ Chánh	KX	Phường 9	TP. Mỹ Tho	10°21'25"	106°23'15"					C-48-45-B-d
đường Trần Nguyên Hãn	KX	Phường 9	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°22'06"	106°23'08"	C-48-45-B-d
rạch Hốc Lựu	TV	Phường 9	TP. Mỹ Tho			10°22'42"	106°29'19"	10°22'06"	106°23'08"	C-48-45-B-d
Sông Tiền	TV	Phường 9	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-d
Khu phố 1	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°22'51"	106°20'16"					C-48-45-B-a
Khu phố 2	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°23'11"	106°20'21"					C-48-45-B-a
Khu phố 3	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°22'38"	106°20'43"					C-48-45-B-a
Khu phố 4	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°22'29"	106°20'33"					C-48-45-B-c
Khu phố 5	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°22'03"	106°20'05"					C-48-45-B-c
khu phố Trung Lương	DC	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°23'13"	106°20'08"					C-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bến Chùa	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°23'38"	106°20'09"					C-48-45-B-a
cầu Công Dân	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°23'14"	106°20'24"					C-48-45-B-a
đường Ấp Bắc	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°21'45"	106°21'37"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
Quốc lộ 1	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-B-a
Quốc lộ 50	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-45-B-a
Quốc lộ 60	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°19'59"	106°20'35"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
Đường huyện 93	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°23'09"	106°19'58"	10°22'16"	106°19'44"	C-48-45-B-a
Đường huyện 94	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°23'04"	106°19'29"	10°22'36"	106°20'09"	C-48-45-B-a
Đường huyện 94B	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°22'13"	106°20'21"	10°22'11"	106°19'27"	C-48-45-B-c
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên May xuất nhập khẩu Mỹ Tho	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho	10°23'09"	106°20'16"					C-48-45-B-a
đường Nguyễn Thị Thập	KX	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°22'39"	106°20'32"	10°20'51"	106°20'24"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Bến Chùa	TV	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°24'46"	106°18'13"	10°23'38"	106°20'11"	C-48-45-B-a
rạch Cái Ngang	TV	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°22'53"	106°20'40"	10°21'19"	106°19'00"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Đạo Ngạn	TV	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°22'02"	106°20'21"	10°22'21"	106°20'57"	C-48-45-B-c
sông Bảo Định	TV	Phường 10	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khu phố Tân Bình	DC	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho	10°20'47"	106°22'49"					C-48-45-B-d
khu phố Tân Hà	DC	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho	10°20'57"	106°21'55"					C-48-45-B-c
khu phố Tân Hòa	DC	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho	10°20'54"	106°22'10"					C-48-45-B-c
khu phố Tân Thuận	DC	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho	10°21'00"	106°21'44"					C-48-45-B-c
tuyến phà Tân Long	KX	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho	10°21'08"	106°21'59"					C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	P. Tân Long	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
Ấp 1	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°22'17"	106°21'38"					C-48-45-B-c
Ấp 2	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°22'36"	106°21'12"					C-48-45-B-a
ấp 3A	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°22'51"	106°20'57"					C-48-45-B-a
ấp 3B	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'14"	106°20'41"					C-48-45-B-a
Ấp 4	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'30"	106°20'31"					C-48-45-B-a
Ấp 5	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'57"	106°20'49"					C-48-45-B-a
ấp Long Hòa A	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'51"	106°22'03"					C-48-45-B-a
ấp Long Hòa B	DC	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'31"	106°21'12"					C-48-45-B-a
Đường huyện 28	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°24'07"	106°21'46"	10°24'55"	106°24'37"	C-48-45-B-a
Quốc lộ 50	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-45-B-a
Đường huyện 89	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°22'15"	106°21'47"	10°22'44"	106°23'22"	C-48-45-B-c
Đường huyện 92C	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°21'55"	106°21'30"	10°22'15"	106°21'47"	C-48-45-B-c
Đường tỉnh 879	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°21'38"	106°22'21"	10°28'43"	106°23'24"	C-48-45-B-a
cầu Công Dân	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'14"	106°20'24"					C-48-45-B-a
chùa Phước Long	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'52"	106°21'38"					C-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Hùng Vương	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°21'44"	10°22'48"	106°21'52"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°22'42"	106°22'02"	10°21'33"	106°22'24"	C-48-45-B-a
rạch Bà Ngọt	TV	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°24'14"	106°22'12"	10°21'58"	106°22'09"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Hốc Đùng	TV	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°23'53"	106°21'50"	10°24'13"	106°20'36"	C-48-45-B-a
sông Bảo Định	TV	xã Đạo Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
ấp Hội Gia	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°22'02"	106°22'30"					C-48-45-B-d
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°21'49"	106°22'33"					C-48-45-B-d
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°22'52"	106°23'08"					C-48-45-B-b
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°22'48"	106°22'31"					C-48-45-B-b
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°22'11"	106°23'03"					C-48-45-B-d
ấp Mỹ Lương	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°23'50"	106°23'10"					C-48-45-B-b
ấp Mỹ Phú	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°23'16"	106°23'46"					C-48-45-B-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°22'08"	106°21'56"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 50	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
Đường tỉnh 879	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°21'38"	106°22'21"	10°28'43"	106°23'24"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 879B	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°27'21"	106°26'44"	C-48-45-B-b; C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
Đường huyện 26	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°22'44"	106°23'22"	10°23'06"	106°24'24"	C-48-45-B-b
Đường huyện 89	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°22'15"	106°21'47"	10°22'44"	106°23'22"	C-48-45-B-b; C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
chùa Vĩnh Tràng	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho	10°21'50"	106°22'18"					C-48-45-B-c
đường Hùng Vương	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°21'44"	10°22'48"	106°21'52"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
đường Nguyễn Trung Trực	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°22'42"	106°22'02"	10°21'33"	106°22'24"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
đường Trần Nguyên Hãn	KX	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°22'06"	106°23'08"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
kênh Lộ Xoài	TV	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°23'00"	106°24'06"	10°20'41"	106°24'44"	C-48-45-B-d
rạch Bà Ngọt	TV	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°24'14"	106°22'12"	10°21'58"	106°22'09"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Gò Cát	TV	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°22'06"	106°23'08"	10°21'55"	106°21'54"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Bảo Định	TV	xã Mỹ Phong	TP. Mỹ Tho			10°28'40"	106°23'16"	10°21'11"	106°21'59"	C-48-45-B-c
ấp Giáp Nước	DC	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°21'35"	106°18'39"					C-48-45-B-c
ấp Long Hưng	DC	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'56"	106°19'13"					C-48-45-B-a
ấp Long Mỹ	DC	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'26"	106°19'50"					C-48-45-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Phước Hòa	DC	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'11"	106°18'32"					C-48-45-B-a
ấp Phước Thuận	DC	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°22'36"	106°18'39"					C-48-45-B-a
Quốc lộ 1	KX	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-B-a
Đường tỉnh 870	KX	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°23'35"	106°18'13"	10°20'33"	106°18'38"	C-48-45-B-a
Đường tỉnh 870B	KX	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°23'16"	106°19'29"	10°20'50"	106°19'37"	C-48-45-B-a
cầu Bến Chùa	KX	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'38"	106°20'09"					C-48-45-B-a
nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Tiền Giang	KX	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho	10°23'10"	106°19'25"					C-48-45-B-a
kênh Nguyễn Bá Thời	TV	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°22'43"	106°18'40"	10°22'18"	106°19'14"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Bến Chùa	TV	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°24'46"	106°18'13"	10°23'38"	106°20'11"	C-48-45-B-a
rạch Cầu Chẹt	TV	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°23'16"	106°20'04"	10°23'38"	106°20'06"	C-48-45-B-a
rạch Giáp Nước	TV	xã Phước Thạnh	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°19'00"	10°21'27"	106°17'57"	C-48-45-B-c
ấp Bình Lợi	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°22'29"	106°23'53"					C-48-45-B-d
ấp Bình Phong	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°22'09"	106°24'22"					C-48-45-B-d
ấp Bình Thành	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°22'15"	106°23'17"					C-48-45-B-d
ấp Phong Thuận	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°20'53"	106°23'42"					C-48-45-B-d
ấp Tân Tỉnh A	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°20'49"	106°24'16"					C-48-45-B-d
ấp Tân Tỉnh B	DC	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°21'13"	106°24'15"					C-48-45-B-d
Đường huyện 26	KX	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°22'44"	106°23'22"	10°23'06"	106°24'24"	C-48-45-B-b
Đường tỉnh 879B	KX	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°21'33"	106°22'24"	10°27'21"	106°26'44"	C-48-45-B-b; C-48-45-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 50	KX	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-45-B-d
Trường Cao đẳng Nông nghiệp Nam Bộ	KX	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho	10°21'15"	106°23'26"					C-48-45-B-d
kênh Lộ Xoài	TV	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°23'00"	106°24'06"	10°20'41"	106°24'44"	C-48-45-B-d
rạch Hốc Lựu	TV	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°22'42"	106°29'19"	10°22'06"	106°23'08"	C-48-45-B-c; C-48-45-B-d
sông Kỳ Hôn	TV	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°20'56"	106°26'53"	10°20'26"	106°24'01"	C-48-45-B-d
Sông Tiền	TV	xã Tân Mỹ Chánh	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-d
ấp Thới Bình	DC	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°19'48"	106°18'22"					C-48-45-B-c
ấp Thới Hòa	DC	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°19'38"	106°18'45"					C-48-45-B-c
ấp Thới Thạnh	DC	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°20'22"	106°20'57"					C-48-45-B-c
ấp Thới Thuận	DC	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°20'06"	106°20'01"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 60	KX	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°19'59"	106°20'35"	C-48-45-B-c
cầu Rạch Miễu	KX	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°20'43"	106°20'26"					C-48-45-B-c
chùa Linh Quang	KX	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho	10°19'34"	106°18'29"					C-48-45-B-c
rạch Vàm Xoàn	TV	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho			10°20'40"	106°21'33"	10°20'31"	106°20'30"	C-48-45-B-c
Sông Tiền	TV	xã Thới Sơn	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c
Ấp 1	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°21'51"	106°19'18"					C-48-45-B-c
Ấp 2	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°21'30"	106°19'36"					C-48-45-B-c
Ấp 3	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°22'26"	106°19'51"					C-48-45-B-c
Ấp 4	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°22'53"	106°19'36"					C-48-45-B-a
Ấp 5	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°21'47"	106°19'55"					C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Bình Tạo	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°20'55"	106°19'38"					C-48-45-B-c
ấp Bình Tạo A	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°20'54"	106°19'24"					C-48-45-B-c
Ấp Chợ	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°20'46"	106°19'00"					C-48-45-B-c
Ấp Đồng	DC	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°21'09"	106°19'02"					C-48-45-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-B-a
Quốc lộ 60	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°23'03"	106°20'20"	10°19'59"	106°20'35"	C-48-45-B-c
Đường huyện 93	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°23'09"	106°19'58"	10°22'16"	106°19'44"	C-48-45-B-a
Đường huyện 94	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°23'04"	106°19'29"	10°22'36"	106°20'09"	C-48-45-B-a
Đường huyện 94B	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°22'13"	106°20'21"	10°22'11"	106°19'27"	C-48-45-B-c
Đường tỉnh 864	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-B-c
Đường tỉnh 870	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°23'35"	106°18'13"	10°20'33"	106°18'38"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
Đường tỉnh 870B	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°23'16"	106°19'29"	10°20'50"	106°19'37"	C-48-45-B-c
chùa Một Cột	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°23'09"	106°19'46"					C-48-45-B-a
đường Lê Văn Phẩm	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°21'45"	106°21'03"	10°21'35"	106°19'30"	C-48-45-B-c
đường Nguyễn Thị Thập	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°22'39"	106°20'32"	10°20'51"	106°20'24"	C-48-45-B-c
Khu công nghiệp Mỹ Tho	KX	xã Trung An	TP. Mỹ Tho	10°20'44"	106°19'37"					C-48-45-B-c
kênh Nguyễn Bá Thời	TV	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°22'43"	106°18'40"	10°22'18"	106°19'14"	C-48-45-B-c
rạch Cái Ngang	TV	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°22'53"	106°20'40"	10°21'19"	106°19'00"	C-48-45-B-a; C-48-45-B-c
rạch Giáp Nước	TV	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°21'19"	106°19'00"	10°21'27"	106°17'57"	C-48-45-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	xã Trung An	TP. Mỹ Tho			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-B-c
Khu phố 1	DC	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°24'50"	106°07'07"					C-48-45-A-a
Khu phố 2	DC	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°24'27"	106°06'59"					C-48-45-A-a
Khu phố 3	DC	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°25'10"	106°07'13"					C-48-45-A-a
Khu phố 4	DC	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°24'59"	106°07'44"					C-48-45-A-b
cầu Cai Lậy	KX	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°24'24"	106°06'52"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
Đường tỉnh 868	KX	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a
đường 30 Tháng 4	KX	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°24'22"	106°07'01"	10°24'44"	106°07'05"	C-48-45-A-a
lăng Tứ Kiệt	KX	Phường 1	TX. Cai Lậy	10°24'34"	106°07'02"					C-48-45-A-c
kênh Hội Đồng	TV	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°26'05"	106°08'08"	10°24'46"	106°08'09"	C-48-45-A-b
rạch Cà Mau	TV	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°25'38"	106°07'44"	10°25'16"	106°06'55"	C-48-45-A-a
sông Ba Rài	TV	Phường 1	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
Khu phố 1	DC	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'14"	106°06'40"					C-48-45-A-a
Khu phố 2	DC	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'35"	106°06'29"					C-48-45-A-a
Khu phố 3	DC	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'33"	106°06'46"					C-48-45-A-a
Khu phố 4	DC	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'50"	106°06'53"					C-48-45-A-a
Khu phố 5	DC	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°25'21"	106°06'46"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	Phường 2	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
kênh 30 Tháng 6	TV	Phường 2	TX. Cai Lậy			10°23'45"	106°06'34"	10°24'41"	106°06'25"	C-48-45-A-a
cầu Cai Lậy	KX	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'24"	106°06'52"					C-48-45-A-a
đình Hòa Sơn	KX	Phường 2	TX. Cai Lậy	10°24'28"	106°06'49"					C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Ba Rài	TV	Phường 2	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
Khu phố 1	DC	Phường 3	TX. Cai Lậy	10°25'50"	106°06'48"					C-48-45-A-a
Khu phố 2	DC	Phường 3	TX. Cai Lậy	10°25'19"	106°07'06"					C-48-45-A-a
Khu phố 3	DC	Phường 3	TX. Cai Lậy	10°25'33"	106°07'42"					C-48-45-A-b
Đường tỉnh 868	KX	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a
kênh Ban Chón	TV	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Hội Đồng	TV	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°26'05"	106°08'08"	10°24'46"	106°08'09"	C-48-45-A-b
rạch Bà Tùng	TV	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°25'51"	106°07'41"	10°26'15"	106°07'33"	C-48-45-A-b
rạch Cà Mau	TV	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°25'38"	106°07'44"	10°25'16"	106°06'55"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
sông Ba Rài	TV	Phường 3	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
Khu phố 1	DC	Phường 4	TX. Cai Lậy	10°24'32"	106°07'22"					C-48-45-A-b
Khu phố 2	DC	Phường 4	TX. Cai Lậy	10°24'34"	106°08'03"					C-48-45-A-b
Khu phố 3	DC	Phường 4	TX. Cai Lậy	10°24'18"	106°08'09"					C-48-45-A-b
Quốc lộ 1	KX	Phường 4	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-b
Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy	KX	Phường 4	TX. Cai Lậy	10°24'23"	106°07'39"					C-48-45-A-b
Công ty cổ phần May Việt Tân	KX	Phường 4	TX. Cai Lậy	10°24'16"	106°08'17"					C-48-45-A-b
kênh Bảy Thước	TV	Phường 4	TX. Cai Lậy			10°24'24"	106°07'41"	10°24'18"	106°10'20"	C-48-45-A-b
kênh Dây Thép	TV	Phường 4	TX. Cai Lậy			10°24'27"	106°07'18"	10°25'55"	106°14'13"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Huyện	TV	Phường 4	TX. Cai Lậy			10°23'53"	106°07'28"	10°23'59"	106°08'49"	C-48-45-A-b
Khu phố 1	DC	Phường 5	TX. Cai Lậy	10°24'17"	106°07'06"					C-48-45-A-a
Khu phố 2	DC	Phường 5	TX. Cai Lậy	10°24'14"	106°06'57"					C-48-45-A-a
Khu phố 3	DC	Phường 5	TX. Cai Lậy	10°24'01"	106°07'15"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	Phường 5	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-b
Đường tỉnh 868	KX	Phường 5	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a
cầu Cai Lậy	KX	Phường 5	TX. Cai Lậy	10°24'24"	106°06'52"					C-48-45-A-a
kênh Ba Muồng	TV	Phường 5	TX. Cai Lậy			10°23'43"	106°06'32"	10°20'46"	106°08'31"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
sông Ba Rài	TV	Phường 5	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
kênh Ông Huyện	TV	Phường 5	TX. Cai Lậy			10°23'53"	106°07'28"	10°23'59"	106°08'49"	C-48-45-A-b
khu phố Mỹ An	DC	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy	10°24'58"	106°08'34"					C-48-45-A-b
khu phố Mỹ Lợi	DC	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy	10°24'43"	106°08'30"					C-48-45-A-b
khu phố Mỹ Thuận	DC	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy	10°24'49"	106°08'50"					C-48-45-A-b
Quốc lộ 1	KX	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Bảy Thước	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°24'24"	106°07'41"	10°24'18"	106°10'20"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Chùa	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°25'17"	106°08'28"	10°24'51"	106°08'30"	C-48-45-A-b
kênh Dây Thép	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°24'27"	106°07'18"	10°25'55"	106°14'13"	C-48-45-A-b
kênh Đìa Chùm	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°25'44"	106°08'35"	10°25'46"	106°09'16"	C-48-45-A-b
kênh Hai Hoà	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°25'36"	106°08'36"	10°25'31"	106°08'10"	C-48-45-A-b
kênh Hội Đồng	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°26'05"	106°08'08"	10°24'46"	106°08'09"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ngang 3	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°25'59"	106°08'26"	10°25'40"	106°08'11"	C-48-45-A-b
kênh Ông Bái	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°26'02"	106°08'32"	10°25'18"	106°08'37"	C-48-45-A-b
kênh Ông Huyện	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°23'53"	106°07'28"	10°23'59"	106°08'49"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Ông Mười	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-b
kênh Trạm Bơm	TV	Phường Nhị Mỹ	TX. Cai Lậy			10°25'29"	106°08'36"	10°25'28"	106°09'16"	C-48-45-A-b
Đường tỉnh 868	KX	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
ấp Hòa Nghĩa	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'51"	106°05'59"					C-48-45-A-a
ấp Hòa Nhơn	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'15"	106°06'18"					C-48-45-A-c
ấp Hòa Trí	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°23'19"	106°06'46"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Phú	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°23'28"	106°07'54"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Vĩnh	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°21'34"	106°06'16"					C-48-45-A-c
ấp Phú Hiệp	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°21'52"	106°08'00"					C-48-45-A-d
ấp Phú Hòa	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'57"	106°08'20"					C-48-45-A-b
ấp Phú Hưng	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'53"	106°07'44"					C-48-45-A-b
ấp Phú Thuận	DC	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'27"	106°07'16"					C-48-45-A-c
cầu Thanh Niên	KX	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°23'11"	106°07'13"					C-48-45-A-a
chùa Đức Thành	KX	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy	10°22'01"	106°08'14"					C-48-45-A-d
bưng Cây Trâm	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°22'04"	106°06'16"	10°21'46"	106°05'56"	C-48-45-A-c
kênh Ba Muồng	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°23'43"	106°06'32"	10°20'46"	106°08'31"	C-48-45-A-b;

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°23'43"	106°08'07"	10°23'50"	106°08'51"	C-48-45-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°22'25"	106°08'07"	10°22'05"	106°07'26"	C-48-45-A-b; C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
kênh Ông Huyện	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°23'53"	106°07'28"	10°23'59"	106°08'49"	C-48-45-A-b
kênh Ông Mười	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-b
Kênh Tắc	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°21'59"	106°06'58"	10°21'52"	106°06'33"	C-48-45-A-c
kênh Thanh Niên	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°23'24"	106°08'12"	10°22'34"	106°04'52"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
rạch Cầu Ván	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°21'27"	106°06'11"	10°22'07"	106°05'05"	C-48-45-A-c
rạch Ông Bảo	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°21'59"	106°06'58"	10°20'34"	106°07'09"	C-48-45-A-c
rạch Ông Bầu	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°21'52"	106°06'33"	10°21'08"	106°06'19"	C-48-45-A-c
rạch Ông Thiệm	TV	xã Long Khánh	TX. Cai Lậy			10°22'46"	106°06'33"	10°23'37"	106°05'35"	C-48-45-A-a
ấp Mỹ Bình	DC	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy	10°27'08"	106°08'50"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Hội	DC	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy	10°27'22"	106°09'59"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Lương	DC	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy	10°28'16"	106°10'11"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Phú	DC	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy	10°28'00"	106°09'03"					C-48-45-A-b
cầu Cổ Cò	KX	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy	10°26'33"	106°08'54"					C-48-45-A-b
kênh Ban Chón	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-b
kênh Bào Rô	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'47"	106°10'15"	10°26'27"	106°10'15"	C-48-45-A-b
kênh Bào Sấu	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°27'16"	106°11'20"	10°27'31"	106°10'44"	C-48-45-A-b
kênh Bảy Dạ	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°27'52"	106°09'15"	10°27'36"	106°09'41"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bảy Sơn	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°27'49"	106°10'22"	10°27'24"	106°08'51"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Dông	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'18"	106°09'43"	10°27'31"	106°10'44"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Dừa	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'57"	106°09'55"	10°26'54"	106°09'15"	C-48-45-A-b
kênh Cống Chùa	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°29'02"	106°08'32"	10°27'52"	106°08'37"	C-48-45-A-b
kênh Cống Dứa	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'44"	106°09'41"	10°28'14"	106°09'24"	C-48-45-A-b
kênh Cống Huế	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°27'52"	106°08'37"	10°26'32"	106°08'54"	C-48-45-A-b
kênh Khương Hữu	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'12"	106°09'50"	10°27'45"	106°09'28"	C-48-45-A-b
Kênh Mới	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°27'36"	106°09'41"	10°26'58"	106°10'32"	C-48-45-A-b
Kênh Mới	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'19"	106°11'15"	10°26'18"	106°10'04"	C-48-45-A-b
kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°11'00"	10°21'35"	106°11'10"	C-48-45-A-b
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-45-A-b
kênh Phồn Qui	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'24"	106°10'15"	10°27'51"	106°10'51"	C-48-45-A-b
kênh Ranh Tân Hội - Tân Phú - Mỹ Hạnh Đông	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'57"	106°09'55"	10°25'53"	106°09'52"	C-48-45-A-b
kênh Thanh Niên	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'09"	106°09'15"	10°25'00"	106°09'12"	C-48-45-A-b
kênh Thanh Niên B	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'53"	106°09'03"	10°28'08"	106°09'12"	C-48-45-A-b
kênh Tư Được	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°26'30"	106°09'59"	10°26'42"	106°09'15"	C-48-45-A-b
Sông Cũ	TV	X.Mỹ Hạnh Đông	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°10'36"	10°27'24"	106°06'52"	C-48-45-A-b
ấp Mỹ Đa	DC	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy	10°26'50"	106°08'21"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Hòa	DC	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy	10°27'00"	106°07'05"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Lợi	DC	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy	10°27'55"	106°07'32"					C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Luận	DC	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy	10°26'07"	106°08'02"					C-48-45-A-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy	10°27'30"	106°07'32"					C-48-45-A-b
Đường tỉnh 868	KX	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a
kênh 12	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°31'30"	106°04'56"	C-48-45-A-a
sông Ba Rài	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
rạch Bà Tùng	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°25'51"	106°07'41"	10°26'15"	106°07'33"	C-48-45-A-b
kênh Ban Chón	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
rạch Cả Chuối	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°27'01"	106°06'44"	10°27'03"	106°05'26"	C-48-45-A-a
Sông Cũ	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°10'36"	10°27'24"	106°06'52"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Hội Đồng	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°26'05"	106°08'08"	10°24'46"	106°08'09"	C-48-45-A-b
kênh Kháng Chiến	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°26'55"	106°07'05"	10°26'44"	106°08'25"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Kháng Chiến	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°28'38"	106°02'53"	10°28'06"	106°08'34"	C-48-45-A-b
rạch Láng Biển	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°29'15"	106°07'39"	10°27'35"	106°07'21"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
Kênh Mới	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°27'31"	106°07'52"	10°26'05"	106°07'52"	C-48-45-A-b
rạch Nàng Chưng	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°07'33"	10°27'01"	106°06'44"	C-48-45-A-b
kênh Xáng Ngang	TV	X.Mỹ Hạnh Trung	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°29'19"	106°07'25"	C-48-45-A-b
ấp Bà Bèo	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°27'51"	106°08'29"					C-48-45-A-b
ấp Cầu Dừa	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°27'53"	106°06'18"					C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Kinh 12	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°29'12"	106°05'40"					C-48-45-A-a
ấp Láng Biển	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°29'05"	106°07'42"					C-48-45-A-b
ấp Long Phước	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°29'07"	106°07'01"					C-48-45-A-a
ấp Rạch Trắc	DC	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°27'53"	106°06'51"					C-48-45-A-a
Đường tỉnh 865	KX	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°32'34"	106°19'52"	10°30'45"	105°56'24"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
Đường tỉnh 868	KX	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
cầu Một Thước	KX	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°29'10"	106°05'52"					C-48-45-A-a
cầu Mỹ Đông	KX	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy	10°29'33"	106°06'39"					C-48-45-A-a
Kênh 1	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°34'37"	106°05'59"	10°29'40"	106°06'06"	C-48-45-A-a
Kênh 12	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°31'30"	106°04'56"	C-48-45-A-a
Kênh 21	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°31'20"	106°07'30"	10°29'19"	106°07'25"	C-48-45-A-a
Kênh 250	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'31"	106°07'46"	10°28'57"	106°09'42"	C-48-45-A-a
Kênh 250	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°30'00"	106°05'48"	10°29'40"	106°06'39"	C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'22"	106°11'35"	10°30'04"	106°05'31"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Bang Sang	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'09"	106°08'02"	10°27'40"	106°08'14"	C-48-45-A-b
kênh Cái Đôi	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°31'23"	106°06'44"	10°29'31"	106°06'39"	C-48-45-A-a
kênh Cặp Rằn Núi	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°31'18"	106°08'16"	10°29'08"	106°08'08"	C-48-45-A-b
kênh Cống Chùa	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'02"	106°08'32"	10°27'52"	106°08'37"	C-48-45-A-b
kênh Cống Huế	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°27'52"	106°08'37"	10°26'32"	106°08'54"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°28'38"	106°02'53"	10°28'06"	106°08'34"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°28'47"	106°07'16"	10°28'49"	106°06'02"	C-48-45-A-a
kênh Năm Tưởng	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'08"	106°06'40"	10°29'08"	106°05'54"	C-48-45-A-a
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
kênh Ranh Tổng	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'00"	106°05'28"	10°26'12"	106°05'29"	C-48-45-A-a
kênh Trường Học	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'30"	106°06'40"	10°28'33"	106°06'41"	C-48-45-A-a
kênh Xáng Ngang	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°29'19"	106°07'25"	C-48-45-A-a
rạch Cả Chuối	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°27'01"	106°06'44"	10°27'03"	106°05'26"	C-48-45-A-a
rạch Láng Biển	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°29'15"	106°07'39"	10°27'35"	106°07'21"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
Rạch Trắc	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°28'33"	106°06'41"	10°27'16"	106°06'41"	C-48-45-A-a
Sông Cũ	TV	xã Mỹ Phước Tây	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°10'36"	10°27'24"	106°06'52"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-b
ấp Quý Chánh	DC	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'27"	106°11'06"					C-48-45-A-b
ấp Quý Lợi	DC	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'42"	106°10'26"					C-48-45-A-b
ấp Quý Phước	DC	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'43"	106°10'01"					C-48-45-A-b
ấp Quý Thành	DC	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'48"	106°11'00"					C-48-45-A-b
ấp Quý Trinh	DC	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'58"	106°09'32"					C-48-45-A-b
Đường tỉnh 874B	KX	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°24'17"	106°10'51"	10°21'34"	106°11'05"	C-48-45-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mỹ Quý	KX	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°24'15"	106°10'18"					C-48-45-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'38"	106°10'19"					C-48-45-A-b
đình thần Nhị Quý	KX	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy	10°23'35"	106°11'01"					C-48-45-A-b
kênh Ba Cự	TV	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°23'51"	106°11'31"	10°22'35"	106°11'56"	C-48-45-A-b
kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	TV	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°11'00"	10°21'35"	106°11'10"	C-48-45-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°23'29"	106°12'45"	10°22'41"	106°09'23"	C-48-45-A-b
kênh Ông Mười	TV	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-b
rạch Bà Trà	TV	xã Nhị Quý	TX. Cai Lậy			10°24'13"	106°10'18"	10°21'15"	106°09'49"	C-48-45-A-b
ấp Phú An	DC	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°22'52"	106°09'13"					C-48-45-A-b
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°23'02"	106°09'33"					C-48-45-A-b
ấp Phú Hưng	DC	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°23'13"	106°10'02"					C-48-45-A-b
ấp Phú Mỹ	DC	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°23'17"	106°10'30"					C-48-45-A-b
chùa Hưng Long	KX	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°23'11"	106°09'59"					C-48-45-A-b
chùa Thiên Phước	KX	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy	10°23'19"	106°10'34"					C-48-45-A-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°23'15"	106°09'04"	10°21'09"	106°08'57"	C-48-45-A-b
kênh Ba Hũ	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°22'23"	106°09'16"	10°22'23"	106°08'28"	C-48-45-A-b
Kênh Ngang	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°23'29"	106°12'45"	10°22'41"	106°09'23"	C-48-45-A-b
kênh Ông Mười	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-b
kênh Tám Các	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°22'34"	106°10'48"	10°22'34"	106°10'12"	C-48-45-A-b
rạch Bà Trà	TV	xã Phú Quý	TX. Cai Lậy			10°24'13"	106°10'18"	10°21'15"	106°09'49"	C-48-45-A-b
Ấp 3	DC	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°26'17"	106°06'39"					C-48-45-A-a
Ấp 5	DC	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°25'48"	106°06'19"					C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 6	DC	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°27'07"	106°05'50"					C-48-45-A-a
Ấp 7	DC	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°26'49"	106°06'37"					C-48-45-A-a
Đường tỉnh 868	KX	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-a
bia Vịnh Bà Thu	KX	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°26'44"	106°06'48"					C-48-45-A-a
đình Bình Chánh	KX	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy	10°26'42"	106°06'08"					C-48-45-A-a
kênh Ban Chón	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-a
kênh Cà Dăm	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°27'58"	106°05'37"	10°27'12"	106°06'01"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°29'00"	106°05'28"	10°26'12"	106°05'29"	C-48-45-A-a
kênh Sông Cũ	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°26'30"	106°06'22"	10°25'48"	106°06'27"	C-48-45-A-a
Kênh Tổng	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°26'39"	106°06'08"	10°25'42"	106°06'10"	C-48-45-A-a
rạch Bà Thửa	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°27'12"	106°06'01"	10°26'27"	106°06'35"	C-48-45-A-a
rạch Cả Chuối	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°27'01"	106°06'44"	10°27'03"	106°05'26"	C-48-45-A-a
rạch Nàng Chưng	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°07'33"	10°27'01"	106°06'44"	C-48-45-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°25'54"	106°06'44"	10°25'14"	106°04'58"	C-48-45-A-a
sông Ba Rài	TV	xã Tân Bình	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
ấp Quí Thạnh	DC	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°24'41"	106°10'42"					C-48-45-A-b
ấp Tân Hiệp	DC	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°25'22"	106°10'17"					C-48-45-A-b
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°26'14"	106°09'43"					C-48-45-A-b
ấp Tân Phong	DC	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°24'54"	106°09'19"					C-48-45-A-b
ấp Tân Thạnh	DC	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°25'04"	106°08'58"					C-48-45-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-b
cầu Cổ Cò	KX	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°26'33"	106°08'54"					C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Mỹ Quý	KX	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°24'15"	106°10'18"					C-48-45-A-b
cầu Tân Hội	KX	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°25'01"	106°09'11"					C-48-45-A-b
chùa Phước Quang	KX	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy	10°24'43"	106°09'49"					C-48-45-A-b
kênh Ba Dùng	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'04"	106°09'16"	10°25'44"	106°10'09"	C-48-45-A-b
kênh Ban Chón	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-b
kênh Bảy Sang	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'31"	106°09'44"	10°25'05"	106°09'32"	C-48-45-A-b
kênh Bảy Thước	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°24'24"	106°07'41"	10°24'18"	106°10'20"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Dạng	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°24'51"	106°10'48"	10°24'19"	106°10'20"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Dừa	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'57"	106°09'55"	10°26'54"	106°09'15"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Quạ	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'16"	106°10'44"	10°24'51"	106°10'48"	C-48-45-A-b
kênh Cống Huế	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°27'52"	106°08'37"	10°26'32"	106°08'54"	C-48-45-A-b
kênh Dây Thép	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°24'27"	106°07'18"	10°25'55"	106°14'13"	C-48-45-A-b
kênh Đìa Chùm	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'44"	106°08'35"	10°25'46"	106°09'16"	C-48-45-A-b
kênh Đìa Mèo	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'08"	106°10'48"	10°25'16"	106°10'44"	C-48-45-A-b
Kênh Dứa	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'21"	106°09'51"	10°25'42"	106°09'16"	C-48-45-A-b
kênh Đường Lươn	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'01"	106°08'58"	10°25'31"	106°09'02"	C-48-45-A-b
kênh Huỳnh Văn Đức	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'31"	106°09'56"	10°25'56"	106°09'16"	C-48-45-A-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°24'55"	106°09'37"	10°25'07"	106°10'37"	C-48-45-A-b
kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°11'00"	10°21'35"	106°11'10"	C-48-45-A-b
kênh Ranh Tân Hội - Tân Phú - Mỹ Hạnh Đông	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'57"	106°09'55"	10°25'53"	106°09'52"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thanh Niên	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°28'09"	106°09'15"	10°25'00"	106°09'12"	C-48-45-A-b
kênh Trạm Bơm	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°25'29"	106°08'36"	10°25'28"	106°09'16"	C-48-45-A-b
kênh Tư Được	TV	xã Tân Hội	TX. Cai Lậy			10°26'30"	106°09'59"	10°26'42"	106°09'15"	C-48-45-A-b
Ấp Bắc	DC	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°26'10"	106°11'19"					C-48-45-A-b
ấp Tân An	DC	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°26'24"	106°10'37"					C-48-45-A-b
ấp Tân Hiệp	DC	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°26'09"	106°10'29"					C-48-45-A-b
ấp Tân Hòa	DC	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°25'19"	106°11'02"					C-48-45-A-b
ấp Tân Thới	DC	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°27'16"	106°11'05"					C-48-45-A-b
Đường tỉnh 874	KX	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°24'19"	106°11'31"	10°28'31"	106°11'33"	C-48-45-A-b
khu di tích Ấp Bắc	KX	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy	10°26'25"	106°11'36"					C-48-45-A-b
kênh Ba Dùng	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'04"	106°09'16"	10°25'44"	106°10'09"	C-48-45-A-b
kênh Ban Chón	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'15"	106°11'46"	10°25'56"	106°06'43"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Số 2	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°25'29"	106°11'46"	10°25'16"	106°10'44"	C-48-45-A-b
kênh Bào Sấu	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°27'16"	106°11'20"	10°27'31"	106°10'44"	C-48-45-A-b
kênh Bảy Nghi	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°25'40"	106°11'30"	10°25'36"	106°10'43"	C-48-45-A-b
kênh Cầu Ông Bồi	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°27'03"	106°11'18"	10°25'29"	106°11'46"	C-48-45-A-b
kênh Dây Thép	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°24'27"	106°07'18"	10°25'55"	106°14'13"	C-48-45-A-b
kênh Đìa Mèo	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'08"	106°10'48"	10°25'16"	106°10'44"	C-48-45-A-b
kênh Giải Phóng	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'58"	106°10'32"	10°26'49"	106°11'13"	C-48-45-A-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'31"	106°11'14"	10°26'35"	106°11'41"	C-48-45-A-b
Kênh Mới	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°27'36"	106°09'41"	10°26'58"	106°10'32"	C-48-45-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Mới	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'19"	106°11'15"	10°26'18"	106°10'04"	C-48-45-A-b
kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°28'30"	106°11'00"	10°21'35"	106°11'10"	C-48-45-A-b
kênh Ranh Tân Hội - Tân Phú - Mỹ Hạnh Đông	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'57"	106°09'55"	10°25'53"	106°09'52"	C-48-45-A-b
kênh Sáu Chua	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°25'49"	106°11'10"	10°26'03"	106°11'48"	C-48-45-A-b
kênh Xóm Ông Cừu	TV	xã Tân Phú	TX. Cai Lậy			10°26'39"	106°10'31"	10°26'31"	106°11'14"	C-48-45-A-b
Quốc lộ 1	KX	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
ấp Thanh Bình	DC	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy	10°23'12"	106°05'47"					C-48-45-A-a
ấp Thanh Hiệp	DC	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy	10°23'25"	106°05'33"					C-48-45-A-a
ấp Thanh Hưng	DC	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy	10°23'48"	106°05'52"					C-48-45-A-a
ấp Thanh Sơn	DC	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy	10°24'03"	106°05'56"					C-48-45-A-a
kênh 30 Tháng 6	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°23'45"	106°06'34"	10°24'41"	106°06'25"	C-48-45-A-a
sông Ba Rài	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-a
rạch Cầu Bưng	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°24'16"	106°06'13"	10°23'42"	106°06'30"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°24'53"	106°04'54"	10°23'43"	106°05'34"	C-48-45-A-a
kênh Lộ Cũ	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°24'16"	106°06'13"	10°23'57"	106°05'26"	C-48-45-A-a
rạch Ông Thiệm	TV	xã Thanh Hòa	TX. Cai Lậy			10°22'46"	106°06'33"	10°23'37"	106°05'35"	C-48-45-A-a
Khu phố 1	DC	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'42"	106°40'16"					C-48-46-A-d
Khu phố 2	DC	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'50"	106°40'22"					C-48-46-A-d
Khu phố 3	DC	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'32"	106°40'17"					C-48-46-A-d
Khu phố 4	DC	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'36"	106°40'06"					C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 50	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-d
cầu Huyện Chi	KX	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'27"	106°40'12"					C-48-46-A-d
đường Đồng Khởi	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'45"	106°40'48"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°21'32"	106°39'58"	C-48-46-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'37"	106°40'28"	10°22'27"	106°40'11"	C-48-46-A-d
đường Võ Duy Linh	KX	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°20'28"	106°40'07"	C-48-46-A-d
lăng mộ Trương Định	KX	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'38"	106°40'20"					C-48-46-A-d
nhà Đốc Phủ Hải	KX	Phường 1	TX. Gò Công	10°21'47"	106°40'24"					C-48-46-A-d
kênh Salicette	TV	Phường 1	TX. Gò Công			10°21'34"	106°39'56"	10°19'22"	106°42'18"	C-48-46-A-d
sông Gò Công	TV	Phường 1	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-d
Khu phố 1	DC	Phường 2	TX. Gò Công	10°21'44"	106°40'35"					C-48-46-A-d
Khu phố 2	DC	Phường 2	TX. Gò Công	10°21'54"	106°40'30"					C-48-46-A-d
Khu phố 3	DC	Phường 2	TX. Gò Công	10°21'33"	106°40'26"					C-48-46-A-d
Khu phố 4	DC	Phường 2	TX. Gò Công	10°21'36"	106°40'46"					C-48-46-A-d
Khu phố 5	DC	Phường 2	TX. Gò Công	10°21'32"	106°40'37"					C-48-46-A-d
Quốc lộ 50	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'45"	106°40'48"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°21'32"	106°39'58"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Trãi	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°22'07"	106°40'32"	10°21'41"	106°40'40"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Trọng Dân	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°22'00"	106°40'21"	10°22'19"	106°40'40"	C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Văn Côn	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°21'54"	106°40'23"	10°21'49"	106°40'52"	C-48-46-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 2	TX. Gò Công			10°21'37"	106°40'28"	10°22'27"	106°40'11"	C-48-46-A-d
kênh Salicette	TV	Phường 2	TX. Gò Công			10°21'34"	106°39'56"	10°19'22"	106°42'18"	C-48-46-A-d
Khu phố 1	DC	Phường 3	TX. Gò Công	10°22'04"	106°40'49"					C-48-46-A-d
Khu phố 2	DC	Phường 3	TX. Gò Công	10°21'46"	106°40'42"					C-48-46-A-d
Khu phố 3	DC	Phường 3	TX. Gò Công	10°22'13"	106°40'16"					C-48-46-A-d
Khu phố 4	DC	Phường 3	TX. Gò Công	10°22'10"	106°40'30"					C-48-46-A-d
đường Hai Bà Trưng	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'45"	106°40'48"	C-48-46-A-d
đường Mạc Văn Thành	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°23'58"	106°42'50"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
đường Nguyễn Huệ	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°21'32"	106°39'58"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Trãi	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°22'07"	106°40'32"	10°21'41"	106°40'40"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Trọng Dân	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°22'00"	106°40'21"	10°22'19"	106°40'40"	C-48-46-A-d
đường Nguyễn Văn Côn	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'54"	106°40'23"	10°21'49"	106°40'52"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 871	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°25'01"	106°46'27"	C-48-46-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°21'37"	106°40'28"	10°22'27"	106°40'11"	C-48-46-A-d
Quốc lộ 50	KX	Phường 3	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-d
sông Gò Công	TV	Phường 3	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-d
Khu phố 1	DC	Phường 4	TX. Gò Công	10°21'43"	106°40'01"					C-48-46-A-d
Khu phố 2	DC	Phường 4	TX. Gò Công	10°21'38"	106°39'42"					C-48-46-A-d
Khu phố 3	DC	Phường 4	TX. Gò Công	10°21'48"	106°40'01"					C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Khu phố 4	DC	Phường 4	TX. Gò Công	10°21'51"	106°40'13"					C-48-46-A-d
Khu phố 5	DC	Phường 4	TX. Gò Công	10°22'11"	106°40'08"					C-48-46-A-d
Quốc lộ 50	KX	Phường 4	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 862	KX	Phường 4	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°17'28"	106°46'44"	C-48-46-A-d
đường Đồng Khởi	KX	Phường 4	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-d
đường Hồ Biểu Chánh	KX	Phường 4	TX. Gò Công			10°22'55"	106°40'48"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-d
đường Trần Công Tường	KX	Phường 4	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°21'16"	106°40'55"	C-48-46-A-d
kênh Bảy Vĩnh	TV	Phường 4	TX. Gò Công			10°22'02"	106°39'07"	10°22'26"	106°40'00"	C-48-46-A-d
sông Gò Công	TV	Phường 4	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-d
Khu phố 1	DC	Phường 5	TX. Gò Công	10°21'24"	106°39'53"					C-48-46-A-d
Khu phố 2	DC	Phường 5	TX. Gò Công	10°21'14"	106°40'27"					C-48-46-A-d
Khu phố 3	DC	Phường 5	TX. Gò Công	10°21'20"	106°40'53"					C-48-46-A-d
Khu phố 4	DC	Phường 5	TX. Gò Công	10°21'10"	106°40'57"					C-48-46-A-d
Đường tỉnh 862	KX	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°17'28"	106°46'44"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 877	KX	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'27"	106°39'52"	10°21'04"	106°29'17"	C-48-46-A-d
cầu Huyện Chi	KX	Phường 5	TX. Gò Công	10°21'27"	106°40'12"					C-48-46-A-d
đường Trần Công Tường	KX	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°21'16"	106°40'55"	C-48-46-A-d
đường Võ Duy Linh	KX	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°20'28"	106°40'07"	C-48-46-A-d
đường Võ Văn Kiết	KX	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'27"	106°39'52"	10°20'22"	106°39'35"	C-48-46-A-d
kênh Salicette	TV	Phường 5	TX. Gò Công			10°21'34"	106°39'56"	10°19'22"	106°42'18"	C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Gò Công	TV	Phường 5	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 873	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°21'34"	106°38'41"	10°26'20"	106°39'18"	C-48-46-A-b
Quốc lộ 50	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-b
ấp Cộng Lạc	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°25'50"	106°38'24"					C-48-46-A-b
ấp Hòa Thân	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°26'40"	106°38'21"					C-48-46-A-b
ấp Hồng Rạng	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°27'58"	106°38'28"					C-48-46-A-b
ấp Lạc Hòa	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°28'05"	106°38'50"					C-48-46-A-b
ấp Muôn Nghiệp	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°25'56"	106°39'41"					C-48-46-A-b
ấp Năm Châu	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°27'14"	106°38'55"					C-48-46-A-b
ấp Trí Đồ	DC	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°27'26"	106°38'09"					C-48-46-A-b
cầu Mỹ Lợi	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°28'11"	106°38'00"					C-48-46-A-b
cầu Rạch Băng	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°26'17"	106°38'18"					C-48-46-A-b
chùa Phước Thạnh	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°27'37"	106°38'47"					C-48-46-A-b
chùa Thiền Huệ	KX	xã Bình Đông	TX. Gò Công	10°27'19"	106°38'58"					C-48-46-A-b
Rạch Băng	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°25'18"	106°37'45"	10°27'34"	106°37'52"	C-48-46-A-b
rạch Băng Trên	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°26'07"	106°37'59"	10°27'12"	106°37'34"	C-48-46-A-b
rạch Chà Là	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°25'43"	106°38'41"	10°25'04"	106°38'18"	C-48-46-A-b
Rạch Kho	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°26'23"	106°39'06"	10°25'14"	106°39'15"	C-48-46-A-b
rạch Ông Tân	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°25'38"	106°40'00"	10°25'14"	106°39'15"	C-48-46-A-b
rạch Ông Tơ	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°27'37"	106°38'39"	10°26'53"	106°38'29"	C-48-46-A-b
sông Gò Công	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Rạch Giá	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°25'14"	106°39'15"	10°24'42"	106°38'41"	C-48-46-A-b
sông Vàm Cỏ	TV	xã Bình Đông	TX. Gò Công			10°26'20"	106°35'12"	10°29'36"	106°43'34"	C-48-46-A-b
Ấp 1	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°24'05"	106°37'59"					C-48-46-A-b
Ấp 2	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°25'13"	106°37'23"					C-48-46-A-a
Ấp 3	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°25'34"	106°36'24"					C-48-46-A-a
Ấp 4	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°25'52"	106°35'40"					C-48-46-A-a
Ấp 5	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°25'58"	106°36'40"					C-48-46-A-a
Ấp 6	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°26'43"	106°37'40"					C-48-46-A-b
Ấp 7	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°25'57"	106°37'37"					C-48-46-A-b
ấp Thành Nhì	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°24'12"	106°39'06"					C-48-46-A-b
ấp Thành Nhứt	DC	xã Bình Xuân	TX. Gò Công	10°23'36"	106°38'20"					C-48-46-A-b
Đường tỉnh 873	KX	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°21'34"	106°38'41"	10°26'20"	106°39'18"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
rạch Bà Lũy	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°24'55"	106°36'31"	10°25'35"	106°36'48"	C-48-46-A-a
Rạch Băng	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°25'18"	106°37'45"	10°27'34"	106°37'52"	C-48-46-A-b
rạch Băng Trên	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°26'07"	106°37'59"	10°27'12"	106°37'34"	C-48-46-A-b
Rạch Chùa	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°25'05"	106°37'22"	10°25'35"	106°37'22"	C-48-46-A-a
Rạch Đung	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°23'30"	106°37'47"	10°25'23"	106°37'04"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
rạch Gò Gừa	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°21'57"	106°36'28"	10°23'24"	106°39'18"	C-48-46-A-b
Rạch Ngựa	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°24'53"	106°37'13"	10°25'23"	106°37'07"	C-48-46-A-a
Rạch Sâu	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°25'04"	106°36'20"	10°25'39"	106°35'57"	C-48-46-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Trăng	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°26'22"	106°37'23"	10°25'36"	106°37'17"	C-48-46-A-a
sông Gò Công	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-d
sông Rầm Vé	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°23'28"	106°36'37"	10°24'52"	106°38'19"	C-48-46-A-b
Sông Tra	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°26'03"	106°31'41"	10°26'20"	106°35'12"	C-48-46-A-a
sông Vàm Cỏ	TV	xã Bình Xuân	TX. Gò Công			10°26'20"	106°35'12"	10°29'36"	106°43'34"	C-48-46-A-a; C-48-46-A-b
ấp Long Bình	DC	xã Long Chánh	TX. Gò Công	10°22'54"	106°39'10"					C-48-46-A-b
ấp Long Hưng	DC	xã Long Chánh	TX. Gò Công	10°21'40"	106°39'18"					C-48-46-A-d
ấp Long Mỹ	DC	xã Long Chánh	TX. Gò Công	10°22'11"	106°39'33"					C-48-46-A-d
ấp Long Phước	DC	xã Long Chánh	TX. Gò Công	10°21'55"	106°38'46"					C-48-46-A-d
Quốc lộ 50	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 862	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°17'28"	106°46'44"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 873	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'34"	106°38'41"	10°26'20"	106°39'18"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
Đường tỉnh 873B	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'38"	106°39'10"	10°23'58"	106°42'50"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
đường Đồng Khởi	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-d
đường Hồ Biểu Chánh	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°22'55"	106°40'48"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-d
đường Trần Công Tường	KX	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°21'16"	106°40'55"	C-48-46-A-d
kênh Bảy Vĩnh	TV	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°22'02"	106°39'07"	10°22'26"	106°40'00"	C-48-46-A-d
kênh Tham Thu	TV	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'06"	106°28'45"	10°21'41"	106°39'05"	C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Gò Gừa	TV	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°21'57"	106°36'28"	10°23'24"	106°39'18"	C-48-46-A-b
sông Gò Công	TV	xã Long Chánh	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
Kênh 14	TV	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'02"	106°41'15"	10°18'12"	106°32'42"	C-48-46-A-d
ấp Chợ Mới	DC	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°21'22"	106°39'25"					C-48-46-A-d
ấp Giồng Cát	DC	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°20'47"	106°39'29"					C-48-46-A-d
ấp Kim Liên	DC	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°20'43"	106°40'05"					C-48-46-A-d
ấp Tân Xã	DC	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°20'50"	106°40'46"					C-48-46-A-d
ấp Việt Hùng	DC	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°20'33"	106°40'56"					C-48-46-A-d
Đường tỉnh 862	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°17'28"	106°46'44"	C-48-46-A-d
Đường tỉnh 877	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'27"	106°39'52"	10°21'04"	106°29'17"	C-48-46-A-d
đường Trần Công Tường	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'41"	106°39'33"	10°21'16"	106°40'55"	C-48-46-A-d
đường Võ Duy Linh	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'43"	106°40'12"	10°20'28"	106°40'07"	C-48-46-A-d
đường Võ Văn Kiết	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'27"	106°39'52"	10°20'22"	106°39'35"	C-48-46-A-d
mộ Ông Đỗ Trình Thoại	KX	xã Long Hòa	TX. Gò Công	10°20'52"	106°39'44"					C-48-46-A-d
kênh Salicette	TV	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°21'34"	106°39'56"	10°19'22"	106°42'18"	C-48-46-A-d
sông Gò Công	TV	xã Long Hòa	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-d
ấp Hưng Hòa	DC	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°22'38"	106°40'56"					C-48-46-A-b
ấp Hưng Phú	DC	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°22'42"	106°41'38"					C-48-46-A-b
ấp Hưng Thạnh	DC	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°23'23"	106°41'15"					C-48-46-A-b
ấp Lăng Hoàng Gia	DC	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°22'56"	106°40'32"					C-48-46-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 50	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
Đường tỉnh 871	KX	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°25'01"	106°46'27"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
cầu Sơn Quy	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°23'22"	106°40'39"					C-48-46-A-b
đường Hồ Biểu Chánh	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°22'55"	106°40'48"	10°21'42"	106°39'40"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
đường Mạc Văn Thành	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°23'58"	106°42'50"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°21'37"	106°40'28"	10°22'27"	106°40'11"	C-48-46-A-d
đường Từ Dũ	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°22'55"	106°40'48"	10°22'19"	106°40'40"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
lăng Hoàng Gia	KX	xã Long Hưng	TX. Gò Công	10°23'03"	106°40'41"					C-48-46-A-b
kênh Rạch Lá	TV	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°21'42"	106°42'47"	10°23'42"	106°41'04"	C-48-46-A-b
sông Gò Công	TV	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
sông Sơn Quy	TV	xã Long Hưng	TX. Gò Công			10°23'42"	106°41'04"	10°22'46"	106°39'45"	C-48-46-A-b
ấp Gò Tre	DC	xã Long Thuận	TX. Gò Công	10°22'25"	106°41'52"					C-48-46-A-d
ấp Thuận An	DC	xã Long Thuận	TX. Gò Công	10°21'43"	106°40'55"					C-48-46-A-d
ấp Thuận Hòa	DC	xã Long Thuận	TX. Gò Công	10°21'18"	106°41'31"					C-48-46-A-d
ấp Xóm Dinh	DC	xã Long Thuận	TX. Gò Công	10°21'50"	106°42'25"					C-48-46-A-d
đường Mạc Văn Thành	KX	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°23'58"	106°42'50"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Huệ	KX	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°21'49"	106°40'52"	10°21'32"	106°39'58"	C-48-46-A-d
kênh Rạch Lá	TV	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°21'42"	106°42'47"	10°23'42"	106°41'04"	C-48-46-A-b; C-48-46-A-d
kênh Salicette	TV	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°21'34"	106°39'56"	10°19'22"	106°42'18"	C-48-46-A-d
kênh Trần Văn Dõng	TV	xã Long Thuận	TX. Gò Công			10°20'48"	106°41'25"	10°21'37"	106°46'52"	C-48-46-A-d
ấp Gò Xoài	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°25'16"	106°41'13"					C-48-46-A-b
ấp Mỹ Xuân	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°25'56"	106°40'28"					C-48-46-A-b
ấp Ông Cai	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°24'32"	106°40'08"					C-48-46-A-b
ấp Ông Non	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°24'27"	106°41'01"					C-48-46-A-b
ấp Sơn Quy A	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°23'55"	106°40'15"					C-48-46-A-b
ấp Sơn Quy B	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°23'31"	106°40'42"					C-48-46-A-b
ấp Xã Lới	DC	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°25'12"	106°40'13"					C-48-46-A-b
Quốc lộ 50	KX	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°28'11"	106°38'00"	10°23'20"	106°20'14"	C-48-46-A-b
Đường tỉnh 873B	KX	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°21'38"	106°39'10"	10°23'58"	106°42'50"	C-48-46-A-b
cầu Sơn Quy	KX	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°23'22"	106°40'39"					C-48-46-A-b
cầu Vàm Tháp	KX	xã Tân Trung	TX. Gò Công	10°25'32"	106°41'27"					C-48-46-A-b
rạch Gò Xoài	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°24'03"	106°41'35"	10°25'25"	106°41'47"	C-48-46-A-b
rạch Láng Nứa	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°23'42"	106°41'04"	10°24'03"	106°41'35"	C-48-46-A-b
Rạch Ngang	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°25'04"	106°40'21"	10°24'11"	106°39'23"	C-48-46-A-b
rạch Ông Tân	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°25'38"	106°40'00"	10°25'14"	106°39'15"	C-48-46-A-b
sông Gò Công	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°25'35"	106°35'10"	10°21'16"	106°38'56"	C-48-46-A-b
sông Rạch Giá	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°25'14"	106°39'15"	10°24'42"	106°38'41"	C-48-46-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Sơn Quy	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°23'42"	106°41'04"	10°22'46"	106°39'45"	C-48-46-A-b
sông Vàm Cỏ	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°26'20"	106°35'12"	10°29'36"	106°43'34"	C-48-46-A-b
sông Vàm Tháp	TV	xã Tân Trung	TX. Gò Công			10°25'23"	106°42'00"	10°26'33"	106°41'20"	C-48-46-A-b
Khu phố 1	DC	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'16"	106°01'46"					C-48-45-A-c
Khu phố 2	DC	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°19'55"	106°01'53"					C-48-45-A-c
Khu phố 3	DC	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'29"	106°01'58"					C-48-45-A-c
Khu phố 4	DC	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'26"	106°01'50"					C-48-45-A-c
Đường tỉnh 875	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°22'17"	106°02'20"	10°19'46"	106°01'45"	C-48-45-A-c
cầu Cái Bè	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'17"	106°01'53"					C-48-45-A-c
chợ nổi Cái Bè	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°19'59"	106°01'59"					C-48-45-A-c
chùa Kỳ Viên	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°21'02"	106°02'17"					C-48-45-A-c
chùa Phước Thới	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'37"	106°01'28"					C-48-45-A-c
chùa Quan Âm	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè	10°20'20"	106°01'31"					C-48-45-A-c
đường Nguyễn Chí Công	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°20'19"	106°01'53"	10°21'16"	106°02'06"	C-48-45-A-c
đường Trương Công Định	KX	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°19'46"	106°01'45"	10°20'16"	106°01'52"	C-48-45-A-c
rạch Bà Hợp	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°20'35"	106°01'20"	10°20'31"	105°59'50"	C-48-45-A-c
rạch Cầu Chùa	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°19'34"	106°01'19"	10°20'20"	106°01'43"	C-48-45-A-c
rạch Cây Cam	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°20'57"	106°01'17"	10°20'39"	106°02'21"	C-48-45-A-c
sông Cái Bè	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°21'29"	106°00'49"	10°19'44"	106°01'58"	C-48-45-A-c
sông Phú An	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°24'05"	106°03'25"	10°20'16"	106°02'00"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Sông Tiền	TV	TT. Cái Bè	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp An Bình	DC	xã An Cư	H. Cái Bè	10°22'39"	106°01'31"					C-48-45-A-c
ấp An Hòa	DC	xã An Cư	H. Cái Bè	10°23'06"	106°01'29"					C-48-45-A-a
ấp An Thái	DC	xã An Cư	H. Cái Bè	10°22'59"	106°02'02"					C-48-45-A-a
ấp An Thiện	DC	xã An Cư	H. Cái Bè	10°21'54"	106°01'33"					C-48-45-A-c
ấp Mỹ Hòa	DC	xã An Cư	H. Cái Bè	10°23'34"	106°02'09"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã An Cư	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
Đường tỉnh 863	KX	xã An Cư	H. Cái Bè			10°21'57"	106°00'35"	10°27'07"	105°53'57"	C-48-45-A-c
Đường tỉnh 869	KX	xã An Cư	H. Cái Bè			10°22'01"	106°00'58"	10°30'43"	105°58'03"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
cầu An Cư	KX	xã An Cư	H. Cái Bè	10°22'01"	106°01'02"					C-48-45-A-c
Miếu Bà	KX	xã An Cư	H. Cái Bè	10°22'18"	106°00'45"					C-48-45-A-c
Kênh 8	TV	xã An Cư	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
kênh Cầu Ngang	TV	xã An Cư	H. Cái Bè			10°24'10"	106°02'21"	10°22'58"	106°01'38"	C-48-45-A-a
rạch Hai Hựu	TV	xã An Cư	H. Cái Bè			10°21'49"	106°01'59"	10°21'58"	106°01'41"	C-48-45-A-c
rạch Mả Voi	TV	xã An Cư	H. Cái Bè			10°23'03"	106°00'46"	10°23'38"	106°00'32"	C-48-45-A-a
Ấp 1	DC	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'34"	105°51'22"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'05"	105°52'32"					C-48-44-B-d
Ấp 3	DC	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'19"	105°54'11"					C-48-44-B-d
Ấp 4	DC	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'49"	105°53'29"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 5	DC	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'19"	105°53'35"					C-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
cầu An Hữu	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'40"	105°53'23"					C-48-44-B-d
cầu Rạch Giồng	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°17'53"	105°53'29"					C-48-44-B-d
chùa Kim Tiên	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'55"	105°53'03"					C-48-44-B-d
chùa Mỹ Tuyền	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'15"	105°51'18"					C-48-44-B-c
đình Hòa An	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'18"	105°53'31"					C-48-44-B-d
miếu Quan Thánh	KX	xã An Hữu	H. Cái Bè	10°18'10"	105°52'49"					C-48-44-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'18"	105°51'29"	10°18'35"	105°51'20"	C-48-44-B-c
rạch Bà Đuân	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'37"	105°54'57"	10°19'07"	105°54'48"	C-48-44-B-d
rạch Bà Thủ	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'17"	105°53'26"	10°18'35"	105°53'51"	C-48-44-B-d
rạch Bà Tứ	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'38"	105°52'53"	10°18'44"	105°52'24"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
rạch Bà Viễn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'29"	105°54'34"	10°19'02"	105°54'42"	C-48-44-B-d
rạch Bà Việt	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°17'57"	105°53'07"	10°18'11"	105°52'51"	C-48-44-B-d
rạch Bào Dông	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°17'47"	105°54'12"	10°18'35"	105°55'30"	C-48-44-B-d
rạch Cái Mơn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'15"	105°54'35"	10°18'30"	105°54'12"	C-48-44-B-d
rạch Cái Sơn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'46"	105°51'18"	10°18'35"	105°50'17"	C-48-44-B-c
rạch Cần Lố	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'12"	105°52'51"	10°18'25"	105°53'05"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
Rạch Chanh	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'02"	105°54'20"	10°19'38"	105°52'53"	C-48-44-B-d
Rạch Đập	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°17'59"	105°53'56"	10°18'18"	105°53'41"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Giao Miệng Lớn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'03"	105°54'00"	10°18'36"	105°54'11"	C-48-44-B-d
rạch Giao Miệng Nhỏ	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'32"	105°54'36"	10°18'43"	105°54'14"	C-48-44-B-d
Rạch Giồng	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'03"	105°54'00"	10°17'40"	105°52'42"	C-48-44-B-c
Rạch Giồng	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'54"	105°51'26"	10°18'47"	105°52'01"	C-48-44-B-c
rạch Mù U	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'13"	105°55'11"	10°19'48"	105°56'06"	C-48-44-B-d
rạch Mương Điều	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'03"	105°54'00"	10°17'25"	105°54'12"	C-48-44-B-d
Rạch Ngang	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'58"	105°52'45"	10°18'50"	105°52'29"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
rạch Ông Điệp	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'24"	105°51'57"	10°18'36"	105°51'47"	C-48-44-B-c
rạch Ông Ngàn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'33"	105°51'03"	10°18'09"	105°51'04"	C-48-44-B-c
Rạch Sơn	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'13"	105°53'10"	10°18'32"	105°52'48"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
rạch Thủ Luông	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°18'12"	105°52'51"	10°17'34"	105°52'45"	C-48-44-B-d
sông Cái Cối	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°19'21"	105°49'27"	10°19'51"	105°58'06"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
Sông Tiền	TV	xã An Hữu	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-c
ấp An Lạc	DC	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'00"	105°54'38"					C-48-44-B-d
Ấp Chợ	DC	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'14"	105°54'56"					C-48-44-B-d
ấp Đông Thạnh	DC	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°19'55"	105°55'01"					C-48-44-B-d
ấp Thái Hòa	DC	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'42"	105°54'41"					C-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Đường tỉnh 861	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'16"	105°54'55"	10°27'02"	105°53'53"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Bàu Giai	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'28"	105°54'48"					C-48-44-B-d
cầu Cổ Cò	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'13"	105°54'49"					C-48-44-B-d
bia Chiến thắng Cổ Cò	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'25"	105°55'08"					C-48-44-B-d
cầu Rạch Miễu	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°20'28"	105°55'19"					C-48-44-B-d
chùa Liên Trì	KX	xã An Thái Đông	H. Cái Bè	10°19'31"	105°54'51"					C-48-44-B-d
mương Quốc lộ 1	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'49"	105°54'07"	10°20'02"	105°54'31"	C-48-44-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'39"	105°54'13"	10°21'02"	105°54'42"	C-48-44-B-d
ngọn Ngả Cái	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'19"	105°55'12"	10°19'24"	105°55'37"	C-48-44-B-d
rạch Bàu Giai Cạn	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'45"	105°54'29"	10°20'18"	105°54'39"	C-48-44-B-d
rạch Bàu Giai Sâu	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'17"	105°54'41"	10°20'01"	105°53'36"	C-48-44-B-d
Rạch Chanh	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'02"	105°54'20"	10°19'38"	105°52'53"	C-48-44-B-d
rạch Cổ Cò Nhỏ	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'02"	105°54'31"	10°19'58"	105°54'58"	C-48-44-B-d
Rạch Gỗ	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'44"	105°54'07"	10°19'01"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Rạch Miễu	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°21'35"	105°53'48"	10°20'03"	105°55'08"	C-48-44-B-d
rạch Ông An	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'27"	105°55'13"	10°19'38"	105°54'50"	C-48-44-B-d
rạch Ông Bổn	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'19"	105°55'12"	10°19'28"	105°54'46"	C-48-44-B-d
rạch Ông Văn	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'23"	105°55'20"	10°19'56"	105°55'19"	C-48-44-B-d
rạch Vàm Nhựa	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°20'38"	105°55'40"	10°20'18"	105°55'23"	C-48-44-B-d
sông Cái Cối	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°19'21"	105°49'27"	10°19'51"	105°58'06"	C-48-44-B-d
sông Cổ Cò	TV	xã An Thái Đông	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°20'04"	105°55'04"	C-48-44-B-d
Ấp 1	DC	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'32"	105°54'00"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 2	DC	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'22"	105°53'11"					C-48-44-B-d
Ấp 3	DC	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'31"	105°52'27"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°20'57"	105°51'42"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 1	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Quốc lộ 30	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'14"	105°53'19"	10°19'49"	105°49'00"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
cầu Bà Lâm	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'40"	105°53'50"					C-48-44-B-d
cầu Bà Tứ	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'17"	105°52'36"					C-48-44-B-d
cầu Rạch Chanh	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'21"	105°53'20"					C-48-44-B-d
cầu Rạch Giồng	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'26"	105°52'05"					C-48-44-B-c
Trung tâm Quốc gia Giống thủy sản nước ngọt Nam Bộ	KX	xã An Thái Trung	H. Cái Bè	10°19'35"	105°53'35"					C-48-44-B-d
Đìa Gúng	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'46"	105°52'13"	10°19'51"	105°52'47"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
Kênh Cùng	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°23'43"	105°51'46"	10°22'01"	105°51'09"	C-48-44-B-c
rạch Bà Lâm	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'01"	105°53'36"	10°19'18"	105°53'45"	C-48-44-B-d
rạch Bà Năm	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'01"	105°53'36"	10°19'55"	105°52'58"	C-48-44-B-d
rạch Bà Tứ	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'38"	105°52'53"	10°18'44"	105°52'24"	C-48-44-B-d
rạch Bang Mậu	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°22'04"	105°52'22"	10°20'58"	105°51'49"	C-48-44-B-c
rạch Bàu Giai Sâu	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'17"	105°54'41"	10°20'01"	105°53'36"	C-48-44-B-d
Rạch Chanh	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'02"	105°54'20"	10°19'38"	105°52'53"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Chùa Bà Sâu	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'58"	105°51'49"	10°19'54"	105°51'26"	C-48-44-B-c
Rạch Đào	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°22'01"	105°51'09"	10°19'08"	105°51'06"	C-48-44-B-c
rạch Đìa Chuối	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'04"	105°51'58"	10°20'11"	105°51'33"	C-48-44-B-c
rạch Đìa Thùng	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'37"	105°51'59"	10°20'02"	105°52'11"	C-48-44-B-c
Rạch Giồng	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'54"	105°51'26"	10°18'47"	105°52'01"	C-48-44-B-c
Rạch Gỗ	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'44"	105°54'07"	10°19'01"	105°54'30"	C-48-44-B-d
rạch Hội Đồng	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'39"	105°51'51"	10°19'23"	105°52'43"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
rạch Mười Sen	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'02"	105°52'54"	10°19'28"	105°53'09"	C-48-44-B-d
rạch Ngả Cạn	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'03"	105°51'05"	10°19'54"	105°51'26"	C-48-44-B-c
rạch Ngã Tư	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'02"	105°52'11"	10°19'55"	105°52'47"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
rạch Ông Trùm	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'01"	105°53'36"	10°19'55"	105°52'58"	C-48-44-B-d
Rạch Sơn	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°19'13"	105°53'10"	10°18'32"	105°52'48"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
Rạch Tre	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°20'39"	105°51'41"	10°20'36"	105°52'41"	C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
sông Bờ Gòn	TV	xã An Thái Trung	H. Cái Bè			10°21'20"	105°52'43"	10°19'38"	105°52'53"	C-48-44-B-d
ấp An Bình Đông	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'26"	106°00'41"					C-48-45-A-c
ấp An Hiệp	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°21'16"	106°01'31"					C-48-45-A-c
ấp An Hòa	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°19'33"	106°02'57"					C-48-45-A-c
ấp An Lợi	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'51"	106°01'03"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp An Ninh	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'17"	106°02'15"					C-48-45-A-c
ấp An Thạnh	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°21'31"	106°00'32"					C-48-45-A-c
ấp Phú Hòa	DC	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'17"	106°00'57"					C-48-45-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c
Đường tỉnh 867	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-A-c
cầu An Cư	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°22'01"	106°01'02"					C-48-45-A-c
cầu Thông Lưu	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°21'55"	106°00'17"					C-48-45-A-c
chùa Hội Phước	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'19"	106°00'39"					C-48-45-A-c
chùa Phù Châu	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'06"	106°02'09"					C-48-45-A-c
chùa Phước Ân	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'29"	106°01'18"					C-48-45-A-c
chùa Thiên Hòa	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'15"	106°01'11"					C-48-45-A-c
Cụm công nghiệp An Thạnh	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°21'35"	106°00'47"					C-48-45-A-c
nhà cổ Ông Trần Tuấn Kiệt	KX	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè	10°20'20"	106°01'11"					C-48-45-A-c
Kênh 8	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-45-A-c
kênh Giồng Tre	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°24'46"	106°04'59"	10°19'25"	106°03'06"	C-48-45-A-c
rạch Bà Giang	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°19'40"	106°00'50"	10°20'25"	106°01'00"	C-48-45-A-c
rạch Bà Hợp	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°20'35"	106°01'20"	10°20'31"	105°59'50"	C-48-45-A-c
rạch Cầu Chùa	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°19'34"	106°01'19"	10°20'20"	106°01'43"	C-48-45-A-c
rạch Cầu Miếu	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°20'44"	106°03'11"	10°20'37"	106°02'21"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Cây Cam	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°20'57"	106°01'17"	10°20'39"	106°02'21"	C-48-45-A-c
rạch Cây Da	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°21'15"	106°00'04"	10°21'30"	106°00'39"	C-48-45-A-c
rạch Cây Da	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°20'09"	106°00'32"	10°20'25"	106°00'42"	C-48-45-A-c
sông Cái Bè	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°21'29"	106°00'49"	10°19'44"	106°01'58"	C-48-45-A-c
sông Phú An	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°24'05"	106°03'25"	10°20'16"	106°02'00"	C-48-45-A-c
sông Thông Lưu	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°22'21"	105°59'57"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-45-A-c
Sông Tiền	TV	xã Đông Hòa Hiệp	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp Hậu Phú 1	DC	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°30'09"	105°59'08"					C-48-32-D-d
ấp Hậu Phú 2	DC	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'08"	105°59'07"					C-48-44-B-b
ấp Hậu Phú 3	DC	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'08"	105°58'06"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Chánh 4	DC	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'33"	105°57'51"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Chánh 5	DC	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'47"	105°56'30"					C-48-44-B-b
Đường tỉnh 869	KX	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°22'01"	106°00'58"	10°30'43"	105°58'03"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
cầu Bảy Thước	KX	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°27'51"	105°57'54"					C-48-44-B-b
cầu Một Thước	KX	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'39"	105°57'54"					C-48-44-B-b
cầu Quan Cư	KX	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°29'24"	105°57'54"					C-48-44-B-b
cầu Thiên Hộ	KX	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè	10°30'34"	105°58'37"					C-48-32-D-d
Kênh 7	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
Kênh 8	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 9	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°32'00"	105°59'58"	10°26'22"	105°59'54"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
Kênh 200	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'36"	105°59'51"	10°28'54"	105°59'52"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'39"	105°56'41"	10°25'09"	105°56'27"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'39"	105°58'22"	10°28'44"	105°58'59"	C-48-44-B-b
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b
kênh 19 Tháng 5	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'29"	105°56'56"	10°29'27"	105°57'53"	C-48-44-B-b
kênh Bảy Thước	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°28'55"	105°59'56"	10°27'50"	105°57'53"	C-48-44-B-b
kênh Đòn Dong	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'06"	105°57'53"	10°30'06"	105°58'54"	C-48-32-D-d
kênh Đòn Dong	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'10"	105°58'54"	10°30'09"	105°59'57"	C-48-32-D-d
kênh Đường Củi Lớn	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°28'45"	105°56'54"	10°24'31"	105°57'16"	C-48-44-B-b
kênh Hầm Dồ	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°28'05"	105°56'52"	10°28'01"	105°57'51"	C-48-44-B-b
Kênh Hậu	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'44"	105°58'22"	10°29'45"	105°59'33"	C-48-44-B-b
Kênh Huyện	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'20"	105°56'58"	10°28'45"	105°56'54"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°28'47"	105°56'20"	10°28'40"	105°57'52"	C-48-44-B-b
Kênh Kho	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°28'25"	105°56'53"	10°28'45"	105°58'19"	C-48-44-B-b
kênh Một Thước	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'39"	105°57'53"	10°29'41"	105°59'57"	C-48-44-B-b
kênh Mười Ơn	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'47"	105°56'57"	10°30'02"	105°57'53"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
Kênh Ngàn	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'02"	105°57'19"	10°27'43"	105°57'15"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-32-D-d
kênh Ô Môi	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°30'10"	105°59'33"	10°29'41"	105°59'33"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
kênh Rạch Giá	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°27'47"	105°56'17"	10°27'40"	105°57'55"	C-48-44-B-b
kênh Xóm Trại	TV	X.Hậu Mỹ Bắc A	H. Cái Bè			10°29'18"	105°59'57"	10°28'45"	105°58'19"	C-48-44-B-b
ấp Hậu Quới	DC	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'41"	105°58'49"					C-48-32-D-d
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'36"	105°56'50"					C-48-32-D-d
ấp Mỹ Trung	DC	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°31'34"	105°56'28"					C-48-32-D-d
Đường tỉnh 865	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'34"	106°19'52"	10°30'45"	105°56'24"	C-48-32-D-d
Đường tỉnh 869	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°22'01"	106°00'58"	10°30'43"	105°58'03"	C-48-32-D-d
cầu Bằng Lăng	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'45"	105°56'24"					C-48-32-D-d
cầu Chà Dưới	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'42"	105°58'58"					C-48-32-D-d
cầu Phụng Thớt	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'44"	105°57'54"					C-48-32-D-d
cầu Thiên Hộ	KX	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè	10°30'34"	105°58'37"					C-48-32-D-d
Kênh 9	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'00"	105°59'58"	10°26'22"	105°59'54"	C-48-32-D-d
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
Kênh 200 - Bằng Lăng	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'31"	10°30'46"	105°56'32"	C-48-32-D-d
kênh 200 - Kênh 9	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'07"	105°59'51"	10°32'01"	105°59'51"	C-48-32-D-d
kênh 200 - Kênh Chà	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'08"	105°58'53"	10°31'38"	105°58'53"	C-48-32-D-d
Kênh 500 - Bằng Lăng	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°30'46"	105°56'44"	10°32'13"	105°56'44"	C-48-32-D-d
Kênh 500 - Đầu Ngàn - Kênh Chà	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'08"	105°58'39"	10°32'06"	105°58'39"	C-48-32-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 500 - Kênh 9	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'02"	105°59'41"	10°30'42"	105°59'41"	C-48-32-D-d
Kênh 500 - Kênh Giữa	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'08"	105°57'38"	10°32'09"	105°57'38"	C-48-32-D-d
Kênh 500 - Kênh Giữa - Bằng Lăng	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°30'47"	105°57'08"	10°32'11"	105°57'09"	C-48-32-D-d
Kênh 500 - Phụng Thớt	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'08"	105°58'15"	10°32'07"	105°58'16"	C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn - Kênh 9	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'02"	105°59'32"	10°31'08"	105°59'31"	C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn - Kênh Giữa - Bằng Lăng	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'12"	105°56'57"	10°30'47"	105°56'58"	C-48-32-D-d
kênh Đầu Ngàn - Ngàn Nhất	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'06"	105°58'29"	10°31'08"	105°58'28"	C-48-32-D-d
Kênh Giữa	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'10"	105°57'22"	10°30'35"	105°57'21"	C-48-32-D-d
kênh Hai Hạt	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°31'26"	106°06'02"	C-48-32-D-d
kênh Ngàn Nhất	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'13"	105°56'32"	10°31'07"	105°59'58"	C-48-32-D-d
kênh Ngàn Nhì	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°31'45"	105°56'32"	10°31'37"	105°59'51"	C-48-32-D-d
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-32-D-d
kênh Nguyễn Văn Tiếp A	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°30'41"	105°56'24"	10°30'35"	105°57'12"	C-48-32-D-d
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'12"	10°24'30"	105°51'28"	C-48-32-D-d; C-48-44-B-b
kênh Phụng Thớt	TV	xã Hậu Mỹ Bắc B	H. Cái Bè			10°32'09"	105°57'56"	10°30'35"	105°57'54"	C-48-32-D-d
ấp Mỹ Phú A	DC	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè	10°24'10"	106°00'13"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Phú B	DC	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè	10°25'34"	105°59'44"					C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Quới	DC	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè	10°24'37"	105°59'33"					C-48-44-B-b
Đường tỉnh 869	KX	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°22'01"	106°00'58"	10°30'43"	105°58'03"	C-48-44-B-b C-48-45-A-a
cầu Cà Dăm	KX	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè	10°24'45"	105°59'33"					C-48-44-B-b
cầu Ông Tải	KX	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè	10°25'12"	105°59'06"					C-48-44-B-b
kênh Đập Ông Tải	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°26'26"	105°59'51"	10°24'40"	105°58'26"	C-48-44-B-b
Kênh 7	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
Kênh 8	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-44-B-b
kênh Ông Cận	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°25'16"	106°00'08"	10°24'15"	106°00'36"	C-48-45-A-a
kênh Ông Thạch	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'20"	105°59'48"	10°24'49"	106°00'21"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
Rạch Chùa	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'33"	105°58'20"	10°23'57"	105°59'11"	C-48-44-B-b
rạch Đập Bà Sáu	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'18"	105°58'52"	10°24'50"	105°59'22"	C-48-44-B-b
rạch Đất Sét	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'05"	106°00'04"	10°23'29"	105°58'34"	C-48-44-B-b
rạch Đường Chùa	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'40"	105°58'26"	10°23'53"	105°58'04"	C-48-44-B-b
Rạch Miễu	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°25'23"	106°00'20"	10°24'49"	106°00'22"	C-48-45-A-a
rạch Thân Chín	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'42"	105°58'48"	10°25'00"	105°59'14"	C-48-44-B-b
rạch Thủ Ngữ	TV	xã Hậu Mỹ Phú	H. Cái Bè			10°24'54"	106°01'22"	10°23'56"	106°00'22"	C-48-45-A-a
ấp Mỹ Trinh A	DC	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°27'38"	105°59'03"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Trinh B	DC	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°27'59"	105°59'57"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Tường A	DC	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°25'20"	105°58'51"					C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Tường B	DC	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°26'58"	105°58'09"					C-48-44-B-b
cầu Bảy Thước	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°27'51"	105°57'54"					C-48-44-B-b
cầu Cây Dông	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°26'30"	105°58'19"					C-48-44-B-b
cầu Cống Trâu	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°27'13"	105°58'03"					C-48-44-B-b
cầu Ông Tải	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°25'12"	105°59'06"					C-48-44-B-b
cầu Ông Tỉnh	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°25'57"	105°58'35"					C-48-44-B-b
chùa Phước Hải	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°26'35"	105°58'26"					C-48-44-B-b
chùa Thiền Lâm	KX	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè	10°26'20"	105°59'33"					C-48-44-B-b
Kênh 3	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'38"	105°58'23"	10°26'28"	105°58'58"	C-48-44-B-b
Kênh 7	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b
Kênh 8	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-44-B-b
Kênh 9	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°32'00"	105°59'58"	10°26'22"	105°59'54"	C-48-44-B-b
kênh 19 Tháng 5	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'47"	105°58'58"	10°27'00"	105°58'17"	C-48-44-B-b
kênh Ba Mương	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'51"	105°58'55"	10°28'42"	105°59'56"	C-48-44-B-b
kênh Bảy Thước	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'55"	105°59'56"	10°27'50"	105°57'53"	C-48-44-B-b
kênh Cây Chôm	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'03"	105°59'27"	10°25'58"	105°58'34"	C-48-44-B-b
kênh Cây Dông	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'28"	105°59'10"	10°26'30"	105°58'19"	C-48-44-B-b
kênh Cây Dừng	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°25'12"	105°57'43"	10°24'40"	105°58'26"	C-48-44-B-b
kênh Cây Tràm	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°25'45"	105°57'21"	10°24'25"	105°58'14"	C-48-44-B-b
kênh Cống Trâu	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'06"	105°58'45"	10°27'12"	105°58'02"	C-48-44-B-b
kênh Đập Ông Tải	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°26'26"	105°59'51"	10°24'40"	105°58'26"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Đường Củi Lớn	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'45"	105°56'54"	10°24'31"	105°57'16"	C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'34"	105°59'31"	10°26'35"	106°00'23"	C-48-44-B-b
kênh Một Thước	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'06"	105°59'55"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'23"	105°57'09"	10°26'35"	105°57'02"	C-48-44-B-b
kênh Ông Tám	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°25'27"	105°58'50"	10°25'01"	105°58'15"	C-48-44-B-b
kênh Rạch Giá	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'47"	105°56'17"	10°27'40"	105°57'55"	C-48-44-B-b
Kênh Ranh	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'44"	105°58'59"	10°28'19"	105°59'20"	C-48-44-B-b
kênh Rau Đắng	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°26'33"	105°56'51"	10°26'51"	105°58'10"	C-48-44-B-b
kênh Tập Đoàn 26	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'34"	105°56'50"	10°27'31"	105°57'57"	C-48-44-B-b
kênh Tàu Cuốc	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°27'24"	105°56'49"	10°27'20"	105°58'00"	C-48-44-B-b
kênh Thôn Thừa	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°25'33"	105°58'42"	10°25'22"	105°58'10"	C-48-44-B-b
kênh Vườn Chuối	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°28'05"	105°59'55"	10°27'18"	105°59'17"	C-48-44-B-b
rạch Đường Chùa	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°24'40"	105°58'26"	10°23'53"	105°58'04"	C-48-44-B-b
rạch Hồng Si Na	TV	xã Hậu Mỹ Trinh	H. Cái Bè			10°24'52"	105°58'15"	10°24'15"	105°57'36"	C-48-44-B-b
ấp Hậu Hoa	DC	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°23'48"	106°00'51"					C-48-45-A-a
ấp Hậu Hòa	DC	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°23'50"	106°00'24"					C-48-45-A-a
ấp Hậu Thuận	DC	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°22'58"	106°00'03"					C-48-45-A-a
ấp Hậu Vinh	DC	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°22'44"	106°00'03"					C-48-45-A-a
ấp Khu Phố Cầu Xéo	DC	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°21'59"	106°00'24"					C-48-45-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 863	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°21'57"	106°00'35"	10°27'07"	105°53'57"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a;
Đường tỉnh 869	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°22'01"	106°00'58"	10°30'43"	105°58'03"	C-48-45-A-a
cầu Thông Lưu	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°21'55"	106°00'17"					C-48-45-A-c
chùa An Thạnh	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°22'09"	106°00'28"					C-48-45-A-c
chùa Kế Ân	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°23'28"	106°00'17"					C-48-45-A-a
chùa Phước Long	KX	xã Hậu Thành	H. Cái Bè	10°24'03"	106°00'42"					C-48-45-A-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°23'29"	105°59'47"	10°23'59"	105°59'42"	C-48-44-B-b
Kênh 7	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d;
Kênh 28	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Đất Sét	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°24'05"	106°00'04"	10°23'29"	105°58'34"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
rạch Mả Voi	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°23'03"	106°00'46"	10°23'38"	106°00'32"	C-48-45-A-a
rạch Thủ Ngữ	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°24'54"	106°01'22"	10°23'56"	106°00'22"	C-48-45-A-a
sông Thông Lưu	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°22'21"	105°59'57"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c
sông Trà Lọt	TV	xã Hậu Thành	H. Cái Bè			10°22'21"	105°59'57"	10°19'38"	106°00'04"	C-48-44-B-d
Ấp Bình	DC	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'35"	105°54'41"					C-48-44-B-d
Ấp Hòa	DC	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°18'18"	105°56'11"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Khu Phố	DC	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°16'58"	105°53'51"					C-48-44-B-d
Ấp Nhất	DC	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'10"	105°53'31"					C-48-44-B-d
Ấp Thống	DC	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'34"	105°53'33"					C-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Đường huyện 74B	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'07"	105°54'22"	10°19'43"	105°57'39"	C-48-44-B-d
Cầu Chéo	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'25"	105°54'11"					C-48-44-B-d
cầu Mỹ Hưng	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'29"	105°53'32"					C-48-44-B-d
cầu Mỹ Thuận	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°16'42"	105°54'30"					C-48-44-B-d
cầu Nước Đục	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'20"	105°53'33"					C-48-44-B-d
cầu Rạch Giồng	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'53"	105°53'29"					C-48-44-B-d
chùa Giác Chơn	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'49"	105°54'14"					C-48-44-B-d
chùa Thiền Lâm	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'30"	105°54'21"					C-48-44-B-d
chùa Trường Mai	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'31"	105°53'12"					C-48-44-B-d
đình Hòa Lộc	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°18'38"	105°56'44"					C-48-44-B-d
đình Mỹ Hưng	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'51"	105°55'19"					C-48-44-B-d
đình thần Mỹ Thuận	KX	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè	10°17'18"	105°53'32"					C-48-44-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'47"	105°54'23"	10°18'17"	105°55'23"	C-48-44-B-d
rạch Bà Thơ	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°19'33"	105°57'13"	10°18'49"	105°56'50"	C-48-44-B-d
rạch Bào Dông	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'47"	105°54'12"	10°18'35"	105°55'30"	C-48-44-B-d
rạch Cả Sơn	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°19'11"	105°56'43"	10°18'33"	105°56'45"	C-48-44-B-d
Rạch Giồng	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°18'03"	105°54'00"	10°17'40"	105°52'42"	C-48-44-B-d
rạch Khe Đức	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°16'50"	105°53'46"	10°16'50"	105°54'20"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Mương Điều	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°18'03"	105°54'00"	10°17'25"	105°54'12"	C-48-44-B-d
rạch Mỹ Hưng	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'24"	105°53'53"	10°17'27"	105°52'54"	C-48-44-B-d
rạch Thủ Luông	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°18'12"	105°52'51"	10°17'34"	105°52'45"	C-48-44-B-d
Rạch Tre	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°18'30"	105°56'11"	10°19'00"	105°55'59"	C-48-44-B-d
rạch Xóm Chiếu	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'44"	105°55'18"	10°18'45"	105°55'46"	C-48-44-B-d
Sông Tiền	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-d
sông Vàm Cổ Lịch	TV	xã Hòa Hưng	H. Cái Bè			10°17'24"	105°53'53"	10°17'38"	105°55'30"	C-48-44-B-d
Kênh 28	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b
ấp Hòa Điền	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°23'43"	105°58'39"					C-48-44-B-b
ấp Hòa Hảo	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°21'40"	105°59'43"					C-48-44-B-d
ấp Hòa Lược	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°20'21"	105°59'27"					C-48-44-B-d
ấp Hòa Phú	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°22'37"	105°58'55"					C-48-44-B-b
ấp Hòa Phúc	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°20'41"	105°59'02"					C-48-44-B-d
ấp Hòa Quý	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°20'44"	106°00'03"					C-48-44-B-d
ấp Khu Phố	DC	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°21'50"	105°59'16"					C-48-44-B-d
Đường huyện 71B	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°21'44"	105°59'01"	10°19'50"	105°57'37"	C-48-44-B-d
Đường tỉnh 863	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°21'57"	106°00'35"	10°27'07"	105°53'57"	C-48-44-B-b
Quốc lộ 1	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
cầu Bà Phú	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°21'49"	105°59'36"					C-48-44-B-d
cầu Bà Sáu	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°21'06"	105°58'33"					C-48-44-B-d
Cầu Khum	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°20'30"	105°58'06"					C-48-44-B-d
cầu Trà Lọt	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°21'47"	105°59'21"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
chùa Thanh Liêm	KX	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè	10°20'10"	105°58'23"					C-48-44-B-d
kênh Cầu Cống	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°21'28"	105°58'47"	10°20'39"	105°58'40"	C-48-44-B-d
kênh Cây Tràm	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°23'51"	105°58'07"	10°22'58"	105°57'31"	C-48-44-B-b
kênh Cứu Khổ	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°20'38"	105°59'30"	10°19'50"	105°57'50"	C-48-44-B-d
rạch A Rặt	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°23'41"	105°58'19"	10°22'54"	105°57'34"	C-48-44-B-b
rạch Bà Giang	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°19'40"	106°00'50"	10°20'25"	106°01'00"	C-48-45-A-c
rạch Bà Hợp	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°20'35"	106°01'20"	10°20'31"	105°59'50"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c
rạch Cây Da	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°21'15"	106°00'04"	10°21'30"	106°00'39"	C-48-45-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°24'33"	105°58'20"	10°23'57"	105°59'11"	C-48-44-B-b
Rạch Chùa	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°22'41"	105°58'59"	10°21'46"	105°57'53"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Đập Lớn	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°22'51"	105°58'17"	10°22'21"	105°58'27"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Đất Sét	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°24'05"	106°00'04"	10°23'29"	105°58'34"	C-48-44-B-b
rạch Đường Chùa	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°24'40"	105°58'26"	10°23'53"	105°58'04"	C-48-44-B-b
rạch Ông Tà	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°24'12"	105°58'23"	10°23'41"	105°58'38"	C-48-44-B-b
Sông Tiền	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c
sông Trà Lọt	TV	xã Hòa Khánh	H. Cái Bè			10°22'21"	105°59'57"	10°19'38"	106°00'04"	C-48-44-B-d; C-48-45-A-c
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°23'33"	105°55'47"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°22'25"	105°55'52"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b
ấp Mỹ Hưng A	DC	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°21'00"	105°56'35"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Hưng C	DC	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°21'59"	105°56'11"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Phú	DC	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°20'04"	105°58'02"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Quới	DC	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°21'20"	105°57'19"					C-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Đường huyện 71B	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'44"	105°59'01"	10°19'50"	105°57'37"	C-48-44-B-d
cầu Ông Hưng	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°21'05"	105°56'28"					C-48-44-B-d
cầu Ông Vẽ	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°21'22"	105°57'00"					C-48-44-B-d
chợ Cái Thia	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°19'52"	105°57'41"					C-48-44-B-d
chùa Khải Tường	KX	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè	10°20'12"	105°57'19"					C-48-44-B-d
kênh Cứu Khổ	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°20'38"	105°59'30"	10°19'50"	105°57'50"	C-48-44-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°23'11"	105°54'54"	C-48-44-B-b
kênh Kỳ Đà	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°24'21"	105°54'34"	10°23'21"	105°56'10"	C-48-44-B-b
Kênh Lạc	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°22'25"	105°56'25"	10°21'25"	105°56'57"	C-48-44-B-d
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'03"	105°56'33"	10°20'21"	105°57'11"	C-48-44-B-d
kênh Mười Thước	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°24'04"	105°54'50"	10°24'03"	105°56'06"	C-48-44-B-b
kênh Năm Ty	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°24'05"	105°54'24"	10°23'20"	105°55'11"	C-48-44-B-b
kênh Tám Luân	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°24'07"	105°55'28"	10°23'33"	105°55'47"	C-48-44-B-b
rạch Bà Năm	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°22'28"	105°56'01"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-d
rạch Cây Gáo	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°23'09"	105°55'30"	10°23'03"	105°56'13"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Lý Sỏi	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'03"	105°56'31"	10°20'28"	105°56'38"	C-48-44-B-d
rạch Ông Hưng	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'43"	105°55'56"	10°20'56"	105°56'55"	C-48-44-B-d
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°22'34"	105°56'17"	10°21'40"	105°54'43"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Xẻo Tre	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°22'24"	105°56'18"	10°22'16"	105°57'27"	C-48-44-B-d
sông Cái Cối	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°19'21"	105°49'27"	10°19'51"	105°58'06"	C-48-44-B-d
sông Mỹ Đức Tây	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'42"	105°53'44"	10°19'46"	105°57'39"	C-48-44-B-d
sông Mỹ Thiện	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°24'24"	105°57'25"	10°21'17"	105°57'05"	C-48-44-B-d
sông Ông Vẽ	TV	xã Mỹ Đức Đông	H. Cái Bè			10°21'33"	105°56'25"	10°20'20"	105°57'11"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°20'51"	105°53'32"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Nghĩa 1	DC	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°21'08"	105°55'35"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Nghĩa 2	DC	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°22'48"	105°54'54"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°20'17"	105°57'05"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Tường	DC	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°20'35"	105°56'18"					C-48-44-B-d
Quốc lộ 1	KX	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
cầu Mỹ Đức Tây	KX	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°20'39"	105°55'39"					C-48-44-B-d
chợ Mỹ Đức Tây	KX	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè	10°20'39"	105°55'35"					C-48-44-B-d
Kênh 5	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°21'42"	105°53'44"	C-48-44-B-d
Kênh 15	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'20"	105°55'11"	10°22'16"	105°55'18"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
Kênh 20	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'13"	105°54'05"	10°22'01"	105°54'47"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 500	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°22'25"	105°55'52"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°23'11"	105°54'54"	C-48-44-B-b
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'03"	105°56'33"	10°20'21"	105°57'11"	C-48-44-B-d
kênh Ông Huyện	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'18"	105°53'25"	10°23'04"	105°54'58"	C-48-44-B-b
kênh Xẻo Xịn	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'50"	105°54'11"	10°21'55"	105°54'53"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Bà Thiên	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'42"	105°53'44"	10°21'00"	105°53'56"	C-48-44-B-d
rạch Bà Vệ	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°20'04"	105°56'29"	10°19'35"	105°56'57"	C-48-44-B-d
rạch Cầu Móng	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°20'11"	105°56'23"	10°20'34"	105°56'00"	C-48-44-B-d
rạch Cây Gáo	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°23'09"	105°55'30"	10°23'03"	105°56'13"	C-48-44-B-b
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°22'16"	105°55'50"	10°21'12"	105°55'10"	C-48-44-B-d
rạch Lý Sỏi	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'03"	105°56'31"	10°20'28"	105°56'38"	C-48-44-B-d
Rạch Miễu	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'35"	105°53'48"	10°20'03"	105°55'08"	C-48-44-B-d
rạch Năm Chuyền	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°22'31"	105°54'13"	10°22'30"	105°53'17"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Ong Đống	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'43"	105°55'56"	10°20'57"	105°55'22"	C-48-44-B-d
rạch Ông Giáo	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°22'05"	105°55'48"	10°22'11"	105°55'07"	C-48-44-B-d
rạch Ông Hưng	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'43"	105°55'56"	10°20'56"	105°56'55"	C-48-44-B-d
rạch Ông Sáu	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°20'28"	105°56'39"	10°20'04"	105°56'29"	C-48-44-B-d
Rạch Thọ	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°20'13"	105°56'18"	10°19'53"	105°55'56"	C-48-44-B-d
rạch Vàm Nhựa	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°20'38"	105°55'40"	10°20'18"	105°55'23"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Muồng	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°22'34"	105°56'17"	10°21'40"	105°54'43"	C-48-44-B-d
sông Mỹ Đức Tây	TV	xã Mỹ Đức Tây	H. Cái Bè			10°21'42"	105°53'44"	10°19'46"	105°57'39"	C-48-44-B-d
Kênh 8	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°29'24"	105°57'53"	10°21'29"	106°00'49"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
ấp Mỹ Chánh A	DC	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè	10°25'20"	106°01'03"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Chánh B	DC	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè	10°26'26"	106°00'56"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè	10°24'38"	106°01'15"					C-48-45-A-a
ấp Mỹ Trung	DC	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè	10°24'28"	106°01'25"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
kênh Bà Rằng	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°24'09"	106°01'21"	10°25'17"	106°02'02"	C-48-45-A-a
kênh Cầu Cháy	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°25'37"	106°01'19"	10°25'02"	106°00'47"	C-48-45-A-a
kênh Cầu Ngang	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°24'10"	106°02'21"	10°22'58"	106°01'38"	C-48-45-A-a
kênh Cây Dầu	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°26'35"	106°00'23"	10°25'37"	106°01'19"	C-48-45-A-a
kênh Cây Dương	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°26'03"	106°01'31"	10°25'37"	106°01'19"	C-48-45-A-a
kênh Đường Mới	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°24'41"	106°01'33"	10°25'32"	106°01'52"	C-48-45-A-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°27'34"	105°59'31"	10°26'35"	106°00'23"	C-48-45-A-a
kênh Một Thước	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°28'06"	105°59'55"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
rạch Đuôi Tre	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°24'14"	106°01'36"	10°24'25"	106°02'05"	C-48-45-A-a
rạch Đường Trà	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°25'43"	106°01'45"	10°24'54"	106°01'22"	C-48-45-A-a
rạch Thủ Ngữ	TV	xã Mỹ Hội	H. Cái Bè			10°24'54"	106°01'22"	10°23'56"	106°00'22"	C-48-45-A-a
ấp Lợi Nhơn	DC	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè	10°21'42"	105°52'34"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Lợi Trinh	DC	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè	10°21'51"	105°53'17"					C-48-44-B-d
ấp Lợi Tường	DC	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè	10°22'52"	105°52'56"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ An	DC	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè	10°21'10"	105°55'06"					C-48-44-B-d
Đường tỉnh 861	KX	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°20'16"	105°54'55"	10°27'02"	105°53'53"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d; C-48-44-B-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°21'42"	105°53'44"	C-48-44-B-d
kênh Đòn Dong	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°22'50"	105°52'55"	10°21'47"	105°52'57"	C-48-44-B-d
kênh Mương Điều	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'58"	105°53'17"	10°21'38"	105°52'32"	C-48-44-B-d
kênh Ông Huyện	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°23'18"	105°53'25"	10°23'04"	105°54'58"	C-48-44-B-b
Kênh Phèn	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°22'55"	105°52'03"	10°23'01"	105°50'55"	C-48-44-B-a
kênh Út Trân	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°23'45"	105°51'45"	10°23'24"	105°53'26"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
rạch Bà Phó	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°23'29"	105°52'48"	10°22'24"	105°52'15"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b; C-48-44-B-c
rạch Bà Thiên	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'42"	105°53'44"	10°21'00"	105°53'56"	C-48-44-B-d
rạch Bà Thơ	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'44"	105°53'37"	10°21'06"	105°53'10"	C-48-44-B-d
rạch Bang Mậu	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°22'04"	105°52'22"	10°20'58"	105°51'49"	C-48-44-B-c
rạch Đồn Điền	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'00"	105°53'56"	10°20'59"	105°53'23"	C-48-44-B-d
Rạch Miễu	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'35"	105°53'48"	10°20'03"	105°55'08"	C-48-44-B-d
rạch Năm Chuyền	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°22'31"	105°54'13"	10°22'30"	105°53'17"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Nhà Thờ	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'00"	105°53'56"	10°20'38"	105°54'02"	C-48-44-B-d
rạch Ông Cha	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°23'34"	105°52'24"	10°23'01"	105°52'01"	C-48-44-B-a
rạch Sáu Bình	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°23'10"	105°52'06"	10°22'42"	105°53'20"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
sông Bờ Gòn	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°21'20"	105°52'43"	10°19'38"	105°52'53"	C-48-44-B-d
sông Cổ Cò	TV	xã Mỹ Lợi A	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°20'04"	105°55'04"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-c; C-48-44-B-d
Kênh 5	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°21'42"	105°53'44"	C-48-44-B-b
Kênh 20	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°24'42"	105°52'42"	10°25'28"	105°53'11"	C-48-44-B-b
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°24'19"	105°52'02"	10°26'05"	105°53'47"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
ấp Hưng Lợi	DC	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè	10°24'00"	105°51'20"					C-48-44-B-a
ấp Lợi Nhơn	DC	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè	10°23'31"	105°51'53"					C-48-44-B-a
ấp Lợi Thuận	DC	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè	10°24'11"	105°53'30"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè	10°24'54"	105°51'53"					C-48-44-B-a
Đường tỉnh 861	KX	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°20'16"	105°54'55"	10°27'02"	105°53'53"	C-48-44-B-b
Nông trường Cải Tạo	KX	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè	10°24'00"	105°52'42"					C-48-44-B-b
kênh Ba Thước	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°24'22"	105°52'46"	10°24'43"	105°52'25"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
Kênh Cùng	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°23'43"	105°51'46"	10°22'01"	105°51'09"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh Kho	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°25'14"	105°52'08"	10°24'24"	105°53'34"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'12"	10°24'30"	105°51'28"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
Kênh Phèn	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°22'55"	105°52'03"	10°23'01"	105°50'55"	C-48-44-B-a
kênh Tám Thước	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°25'50"	105°52'42"	10°25'07"	105°53'39"	C-48-44-B-b
kênh Út Trân	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°23'45"	105°51'45"	10°23'24"	105°53'26"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-b
rạch Đập Lớn	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°22'19"	105°50'40"	10°22'01"	105°51'09"	C-48-44-B-c
rạch Ông Cha	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°23'34"	105°52'24"	10°23'01"	105°52'01"	C-48-44-B-a
Rạch Ruộng	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°19'26"	105°50'13"	C-48-44-B-a; C-48-44-B-c
sông Cổ Cò	TV	xã Mỹ Lợi B	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°20'04"	105°55'04"	C-48-44-B-a
ấp Lương Lễ	DC	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'32"	105°55'32"					C-48-44-B-d
ấp Lương Ngãi	DC	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'59"	105°55'49"					C-48-44-B-d
ấp Lương Nhơn	DC	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'39"	105°57'21"					C-48-44-B-d
ấp Lương Tín	DC	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'29"	105°56'59"					C-48-44-B-d
ấp Lương Trí	DC	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°18'59"	105°55'53"					C-48-44-B-d
chùa Phước Khánh	KX	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°18'53"	105°55'47"					C-48-44-B-d
chùa Vạn Linh	KX	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'44"	105°55'32"					C-48-44-B-d
đình Mỹ Lương	KX	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè	10°19'43"	105°57'29"					C-48-44-B-d
Đường huyện 74B	KX	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°17'07"	105°54'22"	10°19'43"	105°57'39"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°17'47"	105°54'23"	10°18'17"	105°55'23"	C-48-44-B-d
ngọn Ngả Cái	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'19"	105°55'12"	10°19'24"	105°55'37"	C-48-44-B-d
rạch Bà Đương	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'16"	105°56'19"	10°19'37"	105°56'30"	C-48-44-B-d
rạch Ba Khía	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°18'52"	105°56'15"	10°19'12"	105°56'02"	C-48-44-B-d
rạch Bà Rồng	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'47"	105°57'20"	10°19'33"	105°57'11"	C-48-44-B-d
rạch Bà Thơ	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'33"	105°57'13"	10°18'49"	105°56'50"	C-48-44-B-d
rạch Bà Tồn	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'25"	105°56'39"	10°19'16"	105°56'03"	C-48-44-B-d
rạch Bà Vệ	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'04"	105°56'29"	10°19'35"	105°56'57"	C-48-44-B-d
rạch Bào Dông	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°17'47"	105°54'12"	10°18'35"	105°55'30"	C-48-44-B-d
rạch Cả Sơn	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'11"	105°56'43"	10°18'33"	105°56'45"	C-48-44-B-d
rạch Cầu Móng	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'11"	105°56'23"	10°20'34"	105°56'00"	C-48-44-B-d
rạch Cây Thị	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'02"	105°56'32"	10°19'42"	105°56'16"	C-48-44-B-d
rạch Lòng Ao	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'51"	105°58'00"	10°19'07"	105°57'24"	C-48-44-B-d
Rạch Miễu	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°21'35"	105°53'48"	10°20'03"	105°55'08"	C-48-44-B-d
rạch Mù U	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'13"	105°55'11"	10°19'48"	105°56'06"	C-48-44-B-d
rạch Nhà Thờ	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°18'49"	105°55'22"	10°18'37"	105°55'34"	C-48-44-B-d
rạch Ông Sáu	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'02"	105°56'39"	10°19'37"	105°56'33"	C-48-44-B-d
rạch Ông Văn	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'23"	105°55'20"	10°19'56"	105°55'19"	C-48-44-B-d
Rạch Thọ	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'13"	105°56'18"	10°19'53"	105°55'56"	C-48-44-B-d
Rạch Tre	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°18'30"	105°56'11"	10°19'00"	105°55'59"	C-48-44-B-d
rạch Vàm Nhựa	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°20'38"	105°55'40"	10°20'18"	105°55'23"	C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Xẻo Quế	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'36"	105°56'38"	10°19'11"	105°56'43"	C-48-44-B-d
rạch Xóm Chiếu	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°17'44"	105°55'18"	10°18'45"	105°55'46"	C-48-44-B-d
sông Cái Cối	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°19'21"	105°49'27"	10°19'51"	105°58'06"	C-48-44-B-d
sông Mỹ Đức Tây	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°21'42"	105°53'44"	10°19'46"	105°57'39"	C-48-44-B-d
sông Ông Mẻ	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°18'35"	105°55'30"	10°19'42"	105°56'16"	C-48-44-B-d
Sông Tiền	TV	xã Mỹ Lương	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-d
kênh Tám Thước		xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'07"	105°54'51"	10°24'26"	105°56'07"	C-48-44-B-b
Ấp 1	DC	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°25'39"	105°53'45"					C-48-44-B-b
Ấp 2	DC	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°24'32"	105°56'05"					C-48-44-B-b
Ấp 3	DC	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°23'56"	105°53'32"					C-48-44-B-b
Ấp 4	DC	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°23'39"	105°54'25"					C-48-44-B-b
Nông trường 207	KX	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°23'53"	105°54'24"					C-48-44-B-b
Nông trường Huyện Đội	KX	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè	10°24'12"	105°55'06"					C-48-44-B-b
Kênh 2	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'50"	105°55'22"	10°25'53"	105°55'31"	C-48-44-B-b
Kênh 3	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'57"	105°55'10"	10°25'58"	105°55'23"	C-48-44-B-b
Kênh 4	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'03"	105°54'59"	10°26'04"	105°55'17"	C-48-44-B-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°21'42"	105°53'44"	C-48-44-B-b
Kênh 20	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°23'16"	105°53'37"	10°26'09"	105°55'10"	C-48-44-B-b
Kênh 300	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'46"	105°53'55"	10°26'58"	105°54'06"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'05"	105°55'46"	10°25'08"	105°55'52"	C-48-44-B-b
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'13"	105°55'35"	10°24'07"	105°55'32"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°26'10"	105°53'48"	10°25'08"	105°55'52"	C-48-44-B-b
kênh 7 Giàu	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'25"	105°54'26"	10°25'56"	105°54'35"	C-48-44-B-b
kênh 8 Gon	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'16"	105°54'39"	10°25'46"	105°54'48"	C-48-44-B-b
kênh 1 Tháng 5	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°25'53"	105°53'46"	10°25'07"	105°54'51"	C-48-44-B-b
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'37"	105°53'36"	10°24'07"	105°54'26"	C-48-44-B-b
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°23'33"	105°55'36"	10°23'11"	105°54'54"	C-48-44-B-b
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'27"	105°53'34"	10°23'50"	105°54'11"	C-48-44-B-b
kênh Kỳ Đà	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'21"	105°54'34"	10°23'21"	105°56'10"	C-48-44-B-b
kênh Mười Thước	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'04"	105°54'50"	10°24'03"	105°56'06"	C-48-44-B-b
kênh Năm Ty	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°24'05"	105°54'24"	10°23'20"	105°55'11"	C-48-44-B-b
kênh Ông Huyện	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°23'18"	105°53'25"	10°23'04"	105°54'58"	C-48-44-B-b
kênh Xẻo Xịn	TV	xã Mỹ Tân	H. Cái Bè			10°23'50"	105°54'11"	10°21'55"	105°54'53"	C-48-44-B-b
ấp Mỹ Hiệp	DC	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè	10°26'32"	105°53'24"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè	10°28'11"	105°54'59"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Thị A	DC	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè	10°25'57"	105°55'28"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Thị B	DC	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè	10°25'42"	105°55'41"					C-48-44-B-b
Đường tỉnh 861	KX	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°20'16"	105°54'55"	10°27'02"	105°53'53"	C-48-44-B-b
Đường tỉnh 863	KX	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°21'57"	106°00'35"	10°27'07"	105°53'57"	C-48-44-B-b
Kênh 1	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'13"	105°55'35"	10°25'48"	105°55'37"	C-48-44-B-b
Kênh 2	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°24'50"	105°55'22"	10°25'53"	105°55'31"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 3	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°24'57"	105°55'10"	10°25'58"	105°55'23"	C-48-44-B-b
Kênh 4	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'03"	105°54'59"	10°26'04"	105°55'17"	C-48-44-B-b
Kênh 5	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°21'42"	105°53'44"	C-48-44-B-b
Kênh 20	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°23'16"	105°53'37"	10°26'09"	105°55'10"	C-48-44-B-b
Kênh 28	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b
Kênh 300	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'46"	105°53'55"	10°26'58"	105°54'06"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°24'05"	105°55'46"	10°25'08"	105°55'52"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'40"	105°52'55"	10°26'32"	105°53'51"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'19"	105°55'54"	10°26'39"	105°53'51"	C-48-44-B-b
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°26'10"	105°53'48"	10°25'08"	105°55'52"	C-48-44-B-b
Kênh 1000	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°24'19"	105°52'02"	10°26'05"	105°53'47"	C-48-44-B-b
Kênh 2 Tuấn	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'46"	105°54'48"	10°26'18"	105°54'58"	C-48-44-B-b
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b
Kênh 6 Đàn	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'56"	105°54'35"	10°26'28"	105°54'45"	C-48-44-B-b
Kênh 500 - Bằng Lăng	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°28'30"	105°55'59"	10°25'37"	105°55'50"	C-48-44-B-b
kênh Nguyễn Văn Tiếp B	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°30'35"	105°57'12"	10°24'30"	105°51'28"	C-48-44-B-b
kênh Sáu Khanh	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'10"	105°55'44"	10°25'38"	105°55'49"	C-48-44-B-b
kênh Tám Thước	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'50"	105°52'42"	10°25'07"	105°53'39"	C-48-44-B-b
Kênh Trà	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°27'19"	105°55'12"	10°27'10"	105°56'15"	C-48-44-B-b
Kênh Trà	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°28'00"	105°54'45"	10°26'09"	105°55'10"	C-48-44-B-b
kênh Tư Cơ	TV	xã Mỹ Trung	H. Cái Bè			10°25'08"	105°55'52"	10°25'33"	105°55'56"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 1	DC	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°19'47"	105°50'43"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°20'13"	105°50'10"					C-48-44-B-c
Ấp 3	DC	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°20'09"	105°49'56"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°21'42"	105°49'25"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°19'14"	105°53'19"	10°19'49"	105°49'00"	C-48-44-B-c
cầu Cái Lân	KX	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°19'45"	105°49'12"					C-48-44-B-c
sông Bún Lòng Chảo	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°19'54"	105°51'26"	10°19'52"	105°51'05"	C-48-44-B-c
rạch Bờ Tre	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'54"	105°50'10"	10°20'43"	105°51'05"	C-48-44-B-c
sông Cái Lân	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'16"	105°49'26"	10°19'16"	105°49'29"	C-48-44-B-c
Kênh Đào	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'18"	105°48'50"	10°21'19"	105°48'56"	C-48-44-B-c
Rạch Đào	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'01"	105°51'09"	10°19'08"	105°51'06"	C-48-44-B-c
Rạch Đập	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'18"	105°50'01"	10°20'03"	105°51'05"	C-48-44-B-c
rạch Đập Lớn	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'19"	105°50'40"	10°22'01"	105°51'09"	C-48-44-B-c
rạch Đập Nhỏ	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'32"	105°50'05"	10°20'28"	105°51'05"	C-48-44-B-c
rạch Đội Chín	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'11"	105°49'02"	10°20'10"	105°49'13"	C-48-44-B-c
Rạch Giồng	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°19'54"	105°51'26"	10°18'47"	105°52'01"	C-48-44-B-c
kênh Hội Đồng Tường	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°21'19"	105°48'56"	10°21'01"	105°49'06"	C-48-44-B-c
rạch Kinh Ranh	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'18"	105°48'50"	10°22'02"	105°50'34"	C-48-44-B-c
rạch Ngả Cạn	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'03"	105°51'05"	10°19'54"	105°51'26"	C-48-44-B-c
rạch Ngả Mướp	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°21'45"	105°49'22"	10°21'21"	105°50'19"	C-48-44-B-c
rạch Nước Son	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'03"	105°50'09"	10°21'32"	105°49'55"	C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Ông Bích	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'38"	105°49'27"	10°20'30"	105°50'04"	C-48-44-B-c
rạch Ông Hách	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'42"	105°50'06"	10°20'32"	105°50'28"	C-48-44-B-c
rạch Ông Hội	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°20'38"	105°49'27"	10°20'09"	105°49'13"	C-48-44-B-c
rạch Ông Tám Liệt	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°22'04"	105°49'58"	10°21'36"	105°49'44"	C-48-44-B-c
cầu Rạch Đào	KX	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°19'37"	105°51'08"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Ruộng	KX	xã Tân Hưng	H. Cái Bè	10°19'37"	105°50'10"					C-48-44-B-c
Rạch Ruộng	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°19'26"	105°50'13"	C-48-44-B-c
kênh Trần Văn Thế	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°21'36"	105°49'43"	10°20'38"	105°49'27"	C-48-44-B-c
rạch Vàm Xoay	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°21'29"	105°50'57"	10°20'49"	105°50'52"	C-48-44-B-c
Rạch Xộp	TV	xã Tân Hưng	H. Cái Bè			10°21'21"	105°50'19"	10°21'28"	105°51'06"	C-48-44-B-c
Ấp 1	DC	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'23"	105°51'05"					C-48-44-B-c
Ấp 2	DC	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'04"	105°50'55"					C-48-44-B-c
Ấp 3	DC	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°18'58"	105°49'40"					C-48-44-B-c
Ấp 4	DC	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'35"	105°49'47"					C-48-44-B-c
Quốc lộ 30	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'14"	105°53'19"	10°19'49"	105°49'00"	C-48-44-B-c
cầu Cái Lân	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'45"	105°49'12"					C-48-44-B-c
chùa Hội Phước	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°18'50"	105°51'15"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Đào	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'37"	105°51'08"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Giồng	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'26"	105°52'05"					C-48-44-B-c
cầu Rạch Ruộng	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'37"	105°50'10"					C-48-44-B-c
chùa Thiền Quang	KX	xã Tân Thanh	H. Cái Bè	10°19'34"	105°50'48"					C-48-44-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bà Rớ	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'03"	105°51'41"	10°18'41"	105°51'33"	C-48-44-B-c
rạch Cả Nghị	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'06"	105°51'00"	10°18'52"	105°50'52"	C-48-44-B-c
rạch Cái Sơn	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°18'46"	105°51'18"	10°18'35"	105°50'17"	C-48-44-B-c
sông Cái Cối	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'21"	105°49'27"	10°19'51"	105°58'06"	C-48-44-B-c
sông Cái Lân	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°22'16"	105°49'26"	10°19'16"	105°49'29"	C-48-44-B-c
sông Cái Nhỏ	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'24"	105°48'55"	10°18'15"	105°50'32"	C-48-44-B-c
rạch Di Dách	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°18'52"	105°50'52"	10°18'40"	105°50'51"	C-48-44-B-c
Rạch Đào	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°22'01"	105°51'09"	10°19'08"	105°51'06"	C-48-44-B-c
rạch Đường Nước	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'08"	105°49'42"	10°18'15"	105°50'03"	C-48-44-B-c
Rạch Giồng	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'54"	105°51'26"	10°18'47"	105°52'01"	C-48-44-B-c
rạch Lòng Ống	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'37"	105°48'57"	10°19'37"	105°49'04"	C-48-44-B-c
rạch Mích Nhỏ	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°19'22"	105°51'25"	10°19'11"	105°51'05"	C-48-44-B-c
rạch Ông Điệp	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°18'24"	105°51'57"	10°18'36"	105°51'47"	C-48-44-B-c
rạch Ông Ngàn	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°18'33"	105°51'03"	10°18'09"	105°51'04"	C-48-44-B-c
Rạch Ruộng	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°24'30"	105°51'28"	10°19'26"	105°50'13"	C-48-44-B-c
Sông Tiền	TV	xã Tân Thanh	H. Cái Bè			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-44-B-c
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°21'59"	105°58'15"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Long	DC	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°22'03"	105°57'22"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Phú	DC	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°21'07"	105°58'01"					C-48-44-B-d
ấp Mỹ Phúc	DC	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°22'38"	105°57'22"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Quới	DC	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°21'55"	105°57'17"					C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Quốc lộ 1	KX	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-44-B-d
Đường huyện 71B	KX	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°21'44"	105°59'01"	10°19'50"	105°57'37"	C-48-44-B-d
Cầu Khum	KX	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°20'30"	105°58'06"					C-48-44-B-d
cầu Mỹ Thiện	KX	xã Thiện Trí	H. Cái Bè	10°21'35"	105°57'57"					C-48-44-B-d
kênh 28	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch A Rặt	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°23'41"	105°58'19"	10°22'54"	105°57'34"	C-48-44-B-b
rạch Cái Sơn	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'46"	105°57'40"	10°22'34"	105°56'17"	C-48-44-B-b
kênh Cây Tràm	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°23'51"	105°58'07"	10°22'58"	105°57'31"	C-48-44-B-b
Rạch Chùa	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'41"	105°58'59"	10°21'46"	105°57'53"	C-48-44-B-d
kênh Chuồng Trâu	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'45"	105°57'50"	10°22'59"	105°58'13"	C-48-44-B-b
kênh Đập Giữa	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°21'07"	105°58'30"	10°20'56"	105°58'07"	C-48-44-B-d
rạch Đập Lớn	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'51"	105°58'17"	10°22'21"	105°58'27"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
rạch Đập Nhỏ	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'48"	105°58'07"	10°22'21"	105°58'22"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d
Kênh Ngang	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°23'26"	105°58'00"	10°22'51"	105°58'17"	C-48-44-B-d
rạch Ông Tà	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°24'00"	105°57'56"	10°23'02"	105°57'21"	C-48-44-B-b
rạch Xẻo Tre	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°22'24"	105°56'18"	10°22'16"	105°57'27"	C-48-44-B-d
sông Mỹ Thiện	TV	xã Thiện Trí	H. Cái Bè			10°24'24"	105°57'25"	10°21'17"	105°57'05"	C-48-44-B-b; C-48-44-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Mỹ Lược	DC	xã Thiện Trung	H. Cái Bè	10°24'11"	105°57'38"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Trinh	DC	xã Thiện Trung	H. Cái Bè	10°24'23"	105°57'17"					C-48-44-B-b
ấp Mỹ Tường	DC	xã Thiện Trung	H. Cái Bè	10°25'08"	105°56'33"					C-48-44-B-b
Đường tỉnh 863	KX	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°21'57"	106°00'35"	10°27'07"	105°53'57"	C-48-44-B-b
Kênh 6 - Bằng Lăng	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°32'14"	105°56'24"	10°21'33"	105°56'25"	C-48-44-B-b
Kênh 28	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°27'07"	105°53'54"	10°22'21"	105°59'57"	C-48-44-B-b
Kênh 500	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°29'39"	105°56'41"	10°25'09"	105°56'27"	C-48-44-B-b
rạch Ba Khanh	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'10"	105°57'42"	10°23'48"	105°57'00"	C-48-44-B-b
rạch Bà Tự	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°23'05"	105°56'41"	10°23'11"	105°57'06"	C-48-44-B-b
rạch Cả Hang	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°23'47"	105°56'08"	10°23'57"	105°56'50"	C-48-44-B-b
rạch Cả Lầy	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'26"	105°56'07"	10°24'17"	105°56'49"	C-48-44-B-b
kênh Cây Tràm	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°25'45"	105°57'21"	10°24'25"	105°58'14"	C-48-44-B-b
kênh Đồng Tượng	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°25'27"	105°56'09"	10°25'45"	105°57'21"	C-48-44-B-b
kênh Đường Củi Lớn	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°28'45"	105°56'54"	10°24'31"	105°57'16"	C-48-44-B-b
kênh Đường Củi Nhỏ	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°25'34"	105°56'50"	10°24'37"	105°57'08"	C-48-44-B-b
rạch Đường Chùa	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'40"	105°58'26"	10°23'53"	105°58'04"	C-48-44-B-b
rạch Hào Bá	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'54"	105°56'46"	10°24'22"	105°56'52"	C-48-44-B-b
rạch Hồng Si Na	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'52"	105°58'15"	10°24'15"	105°57'36"	C-48-44-B-b
sông Mỹ Thiện	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'24"	105°57'25"	10°21'17"	105°57'05"	C-48-44-B-b
rạch Ông Tà	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'00"	105°57'56"	10°23'02"	105°57'21"	C-48-44-B-b
rạch Sáu Đống	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°23'24"	105°57'05"	10°23'21"	105°56'10"	C-48-44-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Sáu Lăng	TV	xã Thiện Trung	H. Cái Bè			10°24'43"	105°56'07"	10°24'44"	105°56'39"	C-48-44-B-b
ấp Bình Đức	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°25'23"	106°05'41"					C-48-45-A-a
ấp Bình Hưng	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°26'07"	106°04'26"					C-48-45-A-a
ấp Bình Long	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°24'24"	106°04'13"					C-48-45-A-a
ấp Bình Ninh	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°25'27"	106°04'47"					C-48-45-A-a
ấp Bình Phong	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°23'34"	106°04'07"					C-48-45-A-a
ấp Bình Quới	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°24'54"	106°04'58"					C-48-45-A-a
ấp Bình Sơn	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°25'20"	106°05'28"					C-48-45-A-a
ấp Bình Thạnh	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°26'53"	106°04'30"					C-48-45-A-a
ấp Bình Thới	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°25'38"	106°05'46"					C-48-45-A-a
ấp Bình Tịnh	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°24'56"	106°04'43"					C-48-45-A-a
ấp Bình Trị	DC	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°23'49"	106°04'44"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
Đường tỉnh 875B	KX	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°24'55"	106°05'01"	10°19'22"	106°03'06"	C-48-45-A-a
cầu Bình Phú	KX	xã Bình Phú	H. Cai Lậy	10°24'56"	106°04'54"					C-48-45-A-a
kênh Bà Kai	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°25'40"	106°05'09"	10°25'49"	106°05'26"	C-48-45-A-a
kênh Ban Dầy	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°30'13"	106°03'55"	10°25'14"	106°04'58"	C-48-45-A-a
sông Bình Phú	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°25'14"	106°04'58"	10°24'05"	106°03'25"	C-48-45-A-a
rạch Đập Chùa	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°23'55"	106°04'38"	10°24'32"	106°04'17"	C-48-45-A-a
Rạch Giồng	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°24'18"	106°03'59"	10°23'30"	106°03'11"	C-48-45-A-a
kênh Giồng Tre	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°24'46"	106°04'59"	10°19'25"	106°03'06"	C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kháng Chiến	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°26'08"	106°05'53"	10°26'37"	106°04'23"	C-48-45-A-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°25'29"	106°05'30"	10°25'48"	106°04'53"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°25'48"	106°06'09"	10°28'39"	106°04'19"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°24'53"	106°04'54"	10°23'43"	106°05'34"	C-48-45-A-a
kênh Ông Bang	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°26'08"	106°05'13"	10°25'34"	106°04'37"	C-48-45-A-a
rạch Ông Cha	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°24'40"	106°03'31"	10°24'10"	106°03'34"	C-48-45-A-a
kênh Phú Thuận	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°27'03"	106°05'26"	10°27'10"	106°04'31"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°29'00"	106°05'28"	10°26'12"	106°05'29"	C-48-45-A-a
kênh Thầy Cai	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°26'14"	106°05'52"	10°25'38"	106°06'04"	C-48-45-A-a
Kênh Tổng	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°26'39"	106°06'08"	10°25'42"	106°06'10"	C-48-45-A-a
rạch Tham Rôn	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°22'35"	106°04'52"	10°23'17"	106°03'50"	C-48-45-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°25'54"	106°06'44"	10°25'14"	106°04'58"	C-48-45-A-a
Rạch Tràm	TV	xã Bình Phú	H. Cai Lậy			10°26'12"	106°05'29"	10°25'32"	106°05'41"	C-48-45-A-a
Ấp 1	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy	10°23'00"	106°04'31"					C-48-45-A-a
Ấp 2	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy	10°22'04"	106°04'52"					C-48-45-A-c
Ấp 3	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy	10°21'11"	106°05'40"					C-48-45-A-c
Ấp 4	DC	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy	10°21'40"	106°05'24"					C-48-45-A-c
Đường tỉnh 875B	KX	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°24'55"	106°05'01"	10°19'22"	106°03'06"	C-48-45-A-a
sông Ba Rài	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-a
rạch Cầu Ván	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°21'27"	106°06'11"	10°22'07"	106°05'05"	C-48-45-A-c
rạch Cây Khế	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°20'51"	106°05'40"	10°21'00"	106°06'26"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Chanh	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°21'20"	106°05'17"	10°20'44"	106°05'44"	C-48-45-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°21'39"	106°04'16"	10°21'50"	106°05'10"	C-48-45-A-c
rạch Gò Da	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°22'43"	106°04'09"	10°22'02"	106°03'32"	C-48-45-A-a
kênh Giồng Tre	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°24'46"	106°04'59"	10°19'25"	106°03'06"	C-48-45-A-a
rạch Ông Tùng	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°20'49"	106°06'16"	10°18'53"	106°05'51"	C-48-45-A-c
Kênh Ngang	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°22'39"	106°04'01"	10°23'17"	106°03'50"	C-48-45-A-a
kênh Thanh Niên	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°23'24"	106°08'12"	10°22'34"	106°04'52"	C-48-45-A-a
kênh Thầy Thanh	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°21'52"	106°03'54"	10°21'17"	106°04'54"	C-48-45-A-c
rạch Tham Rôn	TV	xã Cẩm Sơn	H. Cai Lậy			10°22'35"	106°04'52"	10°23'17"	106°03'50"	C-48-45-A-a
ấp Hiệp Ngãi	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°20'43"	106°03'59"					C-48-45-A-c
ấp Hiệp Nhơn	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°20'49"	106°03'33"					C-48-45-A-c
ấp Hiệp Ninh	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°21'15"	106°03'58"					C-48-45-A-c
ấp Hiệp Phú	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°20'28"	106°03'20"					C-48-45-A-c
ấp Hiệp Quới	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°19'53"	106°03'48"					C-48-45-A-c
ấp Hiệp Thạnh	DC	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy	10°21'41"	106°03'47"					C-48-45-A-c
Đường tỉnh 867	KX	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-A-c
Đường tỉnh 875B	KX	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°24'55"	106°05'01"	10°19'22"	106°03'06"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
rạch Bà Gòn	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°20'20"	106°04'46"	10°20'49"	106°03'38"	C-48-45-A-c
rạch Cái Lá	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'20"	106°03'38"	10°19'18"	106°03'21"	C-48-45-A-c
rạch Cầu Miếu	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°20'44"	106°03'11"	10°20'37"	106°02'21"	C-48-45-A-c
Rạch Chùa	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'39"	106°04'16"	10°21'50"	106°05'10"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Gò Da	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°22'43"	106°04'09"	10°22'02"	106°03'32"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
kênh Giồng Tre	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°24'46"	106°04'59"	10°19'25"	106°03'06"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'34"	106°04'26"	10°19'35"	106°04'10"	C-48-45-A-c
rạch Ông Cối	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'02"	106°03'18"	10°21'35"	106°02'44"	C-48-45-A-c
kênh Thầy Thanh	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'52"	106°03'54"	10°21'17"	106°04'54"	C-48-45-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°21'52"	106°03'54"	10°22'15"	106°03'08"	C-48-45-A-c
Sông Tiền	TV	xã Hiệp Đức	H. Cai Lậy			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
ấp Hội Lễ	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°19'27"	106°05'14"					C-48-45-A-c
ấp Hội Nghĩa	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°19'39"	106°04'33"					C-48-45-A-c
ấp Hội Nhơn	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°19'26"	106°04'02"					C-48-45-A-c
ấp Hội Tín	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°19'12"	106°04'26"					C-48-45-A-c
ấp Hội Trí	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°19'24"	106°05'23"					C-48-45-A-c
ấp Xuân Điền	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°20'03"	106°05'15"					C-48-45-A-c
ấp Xuân Hòa	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°20'01"	106°04'49"					C-48-45-A-c
ấp Xuân Kiển	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°20'32"	106°04'60"					C-48-45-A-c
ấp Xuân Quang	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°20'15"	106°04'35"					C-48-45-A-c
ấp Xuân Sắc	DC	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy	10°21'13"	106°04'44"					C-48-45-A-c
Đường tỉnh 864	KX	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-A-c
sông Ba Rài	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°19'08"	106°03'56"	C-48-45-A-c
rạch Bà Gòn	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°20'20"	106°04'46"	10°20'49"	106°03'38"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Kháng Chiến	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°21'34"	106°04'26"	10°19'35"	106°04'10"	C-48-45-A-c
rạch Ông Tùng	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°20'49"	106°06'16"	10°18'53"	106°05'51"	C-48-45-A-c
sông Năm Thôn	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°19'06"	106°03'38"	10°18'54"	106°12'14"	C-48-45-A-c
kênh Thầy Thanh	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°21'52"	106°03'54"	10°21'17"	106°04'54"	C-48-45-A-c
Sông Tiền	TV	xã Hội Xuân	H. Cai Lậy			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
Ấp 9	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°20'09"	106°07'52"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Chánh	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°21'33"	106°08'37"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°22'10"	106°09'09"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Lợi A	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°21'30"	106°08'23"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Lợi B	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°21'01"	106°09'39"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Lương	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°21'08"	106°08'40"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Thạnh A	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°20'27"	106°07'53"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Thạnh B	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°20'59"	106°08'46"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Thuận	DC	xã Long Tiên	H. Cai Lậy	10°20'23"	106°08'36"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 868	KX	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°23'15"	106°09'04"	10°21'09"	106°08'57"	C-48-45-A-d
kênh Ba Hũ	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°22'23"	106°09'16"	10°22'23"	106°08'28"	C-48-45-A-d
kênh Ba Muồng	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°23'43"	106°06'32"	10°20'46"	106°08'31"	C-48-45-A-d
kênh Bang Lợi	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°21'35"	106°11'10"	10°20'05"	106°07'31"	C-48-45-A-d
kênh Năm Dần	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°20'05"	106°09'12"	10°20'55"	106°09'20"	C-48-45-A-d
kênh Năm Mạnh	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°22'01"	106°09'02"	10°21'04"	106°09'36"	C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Ông Mười	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-d
rạch Mù U	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°20'47"	106°08'34"	10°18'29"	106°08'50"	C-48-45-A-d
rạch Ông Bầu	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°20'29"	106°08'48"	10°19'58"	106°09'03"	C-48-45-A-d
sông Cầu Gió	TV	xã Long Tiên	H. Cai Lậy			10°21'07"	106°09'39"	10°20'19"	106°10'28"	C-48-45-A-d
Ấp 1	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°21'17"	106°07'10"					C-48-45-A-c
Ấp 2	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'55"	106°07'17"					C-48-45-A-c
Ấp 3	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°21'14"	106°06'43"					C-48-45-A-c
Ấp 4	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'53"	106°07'02"					C-48-45-A-c
Ấp 5	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'36"	106°06'56"					C-48-45-A-c
Ấp 6	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'28"	106°06'40"					C-48-45-A-c
Ấp 7	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'10"	106°06'37"					C-48-45-A-c
Ấp 8	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'16"	106°07'10"					C-48-45-A-c
Ấp 11	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°19'38"	106°06'28"					C-48-45-A-c
Ấp 12	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°18'50"	106°06'43"					C-48-45-A-c
Ấp 14	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°19'03"	106°05'51"					C-48-45-A-c
Ấp 15	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°19'04"	106°06'41"					C-48-45-A-c
Ấp 16	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'08"	106°06'01"					C-48-45-A-c
Ấp 17	DC	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'32"	106°07'13"					C-48-45-A-c
Đường tỉnh 864	KX	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-A-c
Đường tỉnh 868	KX	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
đình Long Trung	KX	xã Long Trung	H. Cai Lậy	10°20'35"	106°07'12"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
rạch Bầu Điền	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'29"	106°06'54"	10°21'08"	106°06'19"	C-48-45-A-c
rạch Cây Da	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'32"	106°05'53"	10°20'11"	106°06'12"	C-48-45-A-c
rạch Cây Khế	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'51"	106°05'40"	10°21'00"	106°06'26"	C-48-45-A-c
rạch Hai Thiết	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'38"	106°06'00"	10°20'13"	106°06'14"	C-48-45-A-c
rạch Ông Bảo	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°21'59"	106°06'58"	10°20'34"	106°07'09"	C-48-45-A-c
rạch Ông Tùng	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'49"	106°06'16"	10°18'53"	106°05'51"	C-48-45-A-c
sông Năm Thôn	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°19'06"	106°03'38"	10°18'54"	106°12'14"	C-48-45-A-c
sông Trà Tân	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°20'05"	106°07'31"	10°18'41"	106°06'22"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
rạch Tư Lê	TV	xã Long Trung	H. Cai Lậy			10°21'21"	106°06'57"	10°21'05"	106°06'23"	C-48-45-A-c
ấp Mỹ Chánh	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'16"	106°09'59"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Điền	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°22'18"	106°11'04"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Hòa	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'34"	106°10'28"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Hội	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'40"	106°11'07"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Hưng	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'12"	106°11'11"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Lợi	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'06"	106°10'08"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Phú	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°22'11"	106°11'21"					C-48-45-A-d
ấp Mỹ Thạnh	DC	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy	10°21'10"	106°10'37"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 874B	KX	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°24'17"	106°10'51"	10°21'34"	106°11'05"	C-48-45-A-b; C-48-45-A-d
rạch Bà Trà	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°24'13"	106°10'18"	10°21'15"	106°09'49"	C-48-45-A-b; C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bang Lợi	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'35"	106°11'10"	10°20'05"	106°07'31"	C-48-45-A-d
sông Bình Ninh	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°20'19"	106°10'28"	10°20'31"	106°11'10"	C-48-45-A-d
rạch Cả Nai	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'10"	106°10'11"	10°20'19"	106°10'28"	C-48-45-A-d
sông Cầu Gió	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'07"	106°09'39"	10°20'19"	106°10'28"	C-48-45-A-d
kênh Chín Tương	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°22'33"	106°11'01"	10°21'26"	106°10'47"	C-48-45-A-d
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'36"	106°10'28"	10°22'05"	106°10'32"	C-48-45-A-d
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°20'55"	106°10'15"	10°20'51"	106°09'51"	C-48-45-A-d
kênh Mỹ Long - Bà Kỳ	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°28'30"	106°11'00"	10°21'35"	106°11'10"	C-48-45-A-b
kênh Năm Mạnh	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°22'01"	106°09'02"	10°21'04"	106°09'36"	C-48-45-A-d
kênh Ông Mười	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°24'54"	106°08'45"	10°21'12"	106°09'42"	C-48-45-A-d
rạch Mương Lộ	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'33"	106°11'05"	10°19'01"	106°11'14"	C-48-45-A-d
sông Rạch Gầm	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°21'35"	106°11'10"	10°19'31"	106°14'39"	C-48-45-A-d
kênh Tám Các	TV	xã Mỹ Long	H. Cai Lậy			10°22'34"	106°10'48"	10°22'34"	106°10'12"	C-48-45-A-d
Ấp 1	DC	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°30'37"	106°00'25"					C-48-33-C-c
Ấp 2	DC	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°30'30"	106°00'19"					C-48-33-C-c
Ấp 3	DC	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°28'36"	106°00'18"					C-48-45-A-a
Ấp 4	DC	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°28'31"	106°00'48"					C-48-45-A-a
Ấp 5	DC	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°29'38"	106°01'23"					C-48-45-A-a
Đường tỉnh 865	KX	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°32'34"	106°19'52"	10°30'45"	105°56'24"	C-48-33-C-c
cầu Kênh 10	KX	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy	10°30'38"	106°00'51"					C-48-33-C-c
Kênh 9	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°32'00"	105°59'58"	10°26'22"	105°59'54"	C-48-45-A-a; C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Kênh 10	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°30'33"	106°00'54"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°29'02"	106°00'00"	10°28'22"	106°01'38"	C-48-33-C-c
Kênh 500	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°30'13"	106°00'11"	10°30'14"	106°01'05"	C-48-45-A-a
kênh 1 Tháng 5	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°30'33"	106°00'33"	10°28'34"	106°00'13"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Ba Thước	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°29'14"	106°00'28"	10°28'34"	106°01'46"	C-48-45-A-a
kênh Bảy Thường	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'52"	106°01'56"	10°27'53"	106°01'25"	C-48-45-A-a
kênh Cả Gáo	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'42"	105°59'56"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-45-A-a
kênh Cà Nhíp	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°32'00"	105°59'58"	10°30'33"	106°00'54"	C-48-33-C-c
kênh Cấp 2	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'34"	106°00'15"	10°28'09"	106°01'03"	C-48-45-A-a
kênh Cấp 2	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'40"	106°00'16"	10°27'45"	106°01'59"	C-48-45-A-a
kênh Cấp 2	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'47"	106°01'54"	10°28'37"	106°00'15"	C-48-45-A-a
Kênh Chùa	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'20"	106°01'14"	10°27'17"	106°00'39"	C-48-45-A-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°31'07"	105°59'58"	10°31'00"	106°04'09"	C-48-33-C-c
kênh Đìa Muồng	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°29'59"	106°01'13"	10°29'24"	106°01'06"	C-48-45-A-a
kênh Một Thước	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'06"	105°59'55"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-45-A-a
kênh Một Thước	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°29'28"	105°59'57"	10°29'22"	106°01'37"	C-48-44-B-b; C-48-45-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°28'22"	106°01'38"	10°28'00"	106°02'08"	C-48-45-A-a
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-33-C-c
kênh Ranh Cái	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°27'32"	106°00'44"	10°26'23"	106°02'18"	C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Thầy Nô	TV	xã Mỹ Thành Bắc	H. Cai Lậy			10°30'00"	106°00'21"	10°29'26"	106°00'20"	C-48-45-A-a
Ấp 5	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°27'20"	106°01'53"					C-48-45-A-a
Ấp 6	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°26'53"	106°02'34"					C-48-45-A-a
Ấp 7	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°26'40"	106°03'08"					C-48-45-A-a
Ấp 8	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°25'33"	106°02'47"					C-48-45-A-a
ấp 9A	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°24'51"	106°02'22"					C-48-45-A-a
ấp 9B	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°26'19"	106°01'30"					C-48-45-A-a
Ấp 10	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°24'17"	106°02'46"					C-48-45-A-a
ấp 11	DC	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°24'36"	106°02'57"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
cầu Bà Tồn	KX	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°24'22"	106°02'58"					C-48-45-A-a
đình Giai Phú	KX	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy	10°27'39"	106°01'33"					C-48-45-A-a
Kênh 10	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°30'33"	106°00'54"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-45-A-a
kênh Cấp 2	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°27'55"	106°01'30"	10°27'05"	106°02'29"	C-48-45-A-a
kênh Cấp 2	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°28'40"	106°00'16"	10°27'45"	106°01'59"	C-48-45-A-a
kênh Bà Rằng	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°24'09"	106°01'21"	10°25'17"	106°02'02"	C-48-45-A-a
kênh Bảy Thường	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°28'52"	106°01'56"	10°27'53"	106°01'25"	C-48-45-A-a
sông Bà Tồn	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°24'36"	106°02'30"	10°24'05"	106°03'25"	C-48-45-A-a
rạch Bưng Thôn Trang	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'50"	106°02'08"	10°25'09"	106°02'08"	C-48-45-A-a
kênh Cả Gáo	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°28'42"	105°59'56"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-45-A-a
kênh Cầu Ngang	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°24'10"	106°02'21"	10°22'58"	106°01'38"	C-48-45-A-a
rạch Cây Trăm	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°27'02"	106°02'15"	10°25'43"	106°01'45"	C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Rạch Chùa	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°24'34"	106°02'30"	10°24'10"	106°02'21"	C-48-45-A-a
kênh Chà Là	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°30'32"	106°02'05"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
rạch Đập Đìa Dứa	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°25'24"	106°03'40"	10°24'37"	106°02'30"	C-48-45-A-a
kênh Đất Làng	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'56"	106°02'15"	10°26'34"	106°03'05"	C-48-45-A-a
kênh Đường Nước	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'34"	106°03'08"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-45-A-a
Kênh Giữa	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'40"	106°02'20"	10°26'18"	106°03'04"	C-48-45-A-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'56"	106°01'23"	10°28'18"	106°02'17"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°24'25"	106°02'05"	10°24'47"	106°02'21"	C-48-45-A-a
kênh Một Thước	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°28'06"	105°59'55"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-45-A-a
Kênh Ngang	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°28'22"	106°01'38"	10°28'00"	106°02'08"	C-48-45-A-a
kênh Phong Trào	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°26'23"	106°02'18"	10°26'03"	106°02'59"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Cái	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°27'32"	106°00'44"	10°26'23"	106°02'18"	C-48-45-A-a
rạch Thôn Trác	TV	xã Mỹ Thành Nam	H. Cai Lậy			10°25'32"	106°03'15"	10°25'24"	106°02'46"	C-48-45-A-a
ấp Hòa An	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'43"	106°06'03"					C-48-45-A-c
ấp Hòa Hảo	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'18"	106°06'48"					C-48-45-A-c
ấp Hòa Thinh	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'20"	106°08'24"					C-48-45-A-d
ấp Long Quới	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'46"	106°10'59"					C-48-45-A-d
ấp Tân Đông	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°17'35"	106°07'56"					C-48-45-A-d
ấp Tân Hòa	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'37"	106°04'33"					C-48-45-A-c
ấp Tân Sơn	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°17'59"	106°05'49"					C-48-45-A-c
ấp Thủy Tây	DC	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°17'49"	106°07'03"					C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Đường tỉnh 868	KX	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-c
Cồn Tròn	TV	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy	10°18'41"	106°04'32"					C-48-45-A-c
rạch Bà Kẽm	TV	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy			10°18'22"	106°05'03"	10°17'14"	106°06'14"	C-48-45-A-c
rạch Ông Dú	TV	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy			10°18'30"	106°05'47"	10°18'31"	106°06'36"	C-48-45-A-c
sông Năm Thôn	TV	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy			10°19'06"	106°03'38"	10°18'54"	106°12'14"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
Sông Tiền	TV	xã Ngũ Hiệp	H. Cai Lậy			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
Ấp 1	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°23'41"	106°03'23"					C-48-45-A-a
Ấp 2	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°22'29"	106°03'18"					C-48-45-A-a
Ấp 3	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°21'32"	106°02'48"					C-48-45-A-c
Ấp 4	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°21'30"	106°02'16"					C-48-45-A-c
Ấp 5	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°22'17"	106°02'43"					C-48-45-A-c
Ấp 6	DC	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°24'18"	106°03'01"					C-48-45-A-a
Đường tỉnh 875	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°22'17"	106°02'20"	10°19'46"	106°01'45"	C-48-45-A-c
Quốc lộ 1	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
rạch Bà Phò	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°22'46"	106°03'59"	10°22'27"	106°03'11"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
cầu Bà Tồn	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°24'22"	106°02'58"					C-48-45-A-a
chùa Bạch Quang	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°21'29"	106°02'23"					C-48-45-A-a
chùa Phước Điền	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy	10°22'08"	106°02'36"					C-48-45-A-a; C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
đường Nguyễn Chí Công	KX	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°20'19"	106°01'53"	10°21'16"	106°02'06"	C-48-45-A-c
sông Bà Tồn	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°24'36"	106°02'30"	10°24'05"	106°03'25"	C-48-45-A-a
sông Bình Phú	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°25'14"	106°04'58"	10°24'05"	106°03'25"	C-48-45-A-a
rạch Cầu Kênh	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°23'17"	106°03'50"	10°23'12"	106°03'20"	C-48-45-A-a
rạch Cây Cui	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°21'21"	106°02'28"	10°21'49"	106°01'59"	C-48-45-A-c
Rạch Giồng	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°24'18"	106°03'59"	10°23'30"	106°03'11"	C-48-45-A-a
rạch Gò Da	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°22'43"	106°04'09"	10°22'02"	106°03'32"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
Kênh Ngang	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°22'39"	106°04'01"	10°23'17"	106°03'50"	C-48-45-A-a
rạch Ông Cha	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°24'40"	106°03'31"	10°24'10"	106°03'34"	C-48-45-A-a
rạch Ông Cối	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°21'02"	106°03'18"	10°21'35"	106°02'44"	C-48-45-A-c
rạch Ông Trung	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°22'43"	106°02'40"	10°23'07"	106°03'02"	C-48-45-A-a
sông Phú An	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°24'05"	106°03'25"	10°20'16"	106°02'00"	C-48-45-A-a; C-48-45-A-c
rạch Thông Lưu	TV	xã Phú An	H. Cai Lậy			10°21'52"	106°03'54"	10°22'15"	106°03'08"	C-48-45-A-c
Ấp 1	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°28'09"	106°04'19"					C-48-45-A-a
Ấp 2	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°28'14"	106°04'23"					C-48-45-A-a
Ấp 3	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°29'03"	106°04'15"					C-48-45-A-a
Ấp 4	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°29'47"	106°04'59"					C-48-45-A-a
ấp 5A	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°30'06"	106°04'50"					C-48-33-C-c
ấp 5B	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°30'27"	106°03'18"					C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
Ấp 6	DC	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°30'23"	106°05'21"					C-48-33-C-c
Đường tỉnh 865	KX	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°32'34"	106°19'52"	10°30'45"	105°56'24"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
Đường tỉnh 868	KX	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
cầu Hai Hạt	KX	xã Phú Cường	H. Cai Lậy	10°31'30"	106°04'54"					C-48-33-C-c
Kênh 1	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'13"	106°05'03"	10°30'58"	106°10'22"	C-48-33-C-c
Kênh 3	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'59"	106°03'31"	10°30'41"	106°04'39"	C-48-33-C-c
Kênh 6	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'02"	106°05'02"	10°29'53"	106°05'15"	C-48-45-A-a
Kênh 7	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'55"	106°05'05"	10°29'05"	106°04'52"	C-48-45-A-a
Kênh 8	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'57"	106°04'57"	10°29'07"	106°04'44"	C-48-45-A-a
Kênh 12	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°27'05"	106°06'45"	10°31'30"	106°04'56"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'59"	106°03'36"	10°27'33"	106°03'55"	C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'22"	106°11'35"	10°30'04"	106°05'31"	C-48-33-C-c
kênh 26 Tháng 3	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'35"	106°04'10"	10°30'10"	106°04'09"	C-48-33-C-c
kênh Bà Hai Lung Xìn	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°28'59"	106°05'12"	10°28'06"	106°05'09"	C-48-45-A-a
kênh Ba Xã	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'32"	106°02'42"	10°27'23"	106°03'35"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Ban Dầy	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'13"	106°03'55"	10°25'14"	106°04'58"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Bao Tràm	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'19"	106°05'25"	10°30'01"	106°10'21"	C-48-33-C-c
kênh Bồi Tường	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°27'35"	106°04'20"	10°27'10"	106°03'14"	C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Cống Kho	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'42"	106°02'53"	10°30'29"	106°02'53"	C-48-33-C-c
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'07"	105°59'58"	10°31'00"	106°04'09"	C-48-33-C-c
kênh Hai Hạt	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°32'14"	105°56'24"	10°31'26"	106°06'02"	C-48-33-C-c
kênh Kháng Chiến	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°28'38"	106°02'53"	10°28'06"	106°08'34"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°24'53"	106°04'54"	10°23'43"	106°05'34"	C-48-45-A-a
kênh Năm Giao	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°27'28"	106°03'45"	10°30'25"	106°03'09"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-33-C-c
kênh Ranh Làng	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°27'36"	106°05'27"	10°27'43"	106°04'20"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°29'00"	106°05'28"	10°26'12"	106°05'29"	C-48-45-A-a
kênh Ranh - Phú Cường	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°30'00"	106°05'48"	10°31'28"	106°05'16"	C-48-33-C-c
kênh Tấp Bèo	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'32"	106°04'34"	10°29'58"	106°04'54"	C-48-33-C-c
kênh Tư Đạt	TV	xã Phú Cường	H. Cai Lậy			10°31'44"	106°02'43"	10°30'32"	106°02'42"	C-48-33-C-c
ấp Chà Là	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°26'32"	106°03'16"					C-48-45-A-a
ấp Phú Bình	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°26'56"	106°04'22"					C-48-45-A-a
ấp Phú Hòa	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°25'24"	106°03'29"					C-48-45-A-a
ấp Phú Lợi	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°25'58"	106°03'54"					C-48-45-A-a
ấp Phú Thuận	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°27'13"	106°04'40"					C-48-45-A-a
ấp Phú Tiểu	DC	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy	10°25'52"	106°03'53"					C-48-45-A-a
Quốc lộ 1	KX	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°29'42"	106°22'21"	10°16'42"	105°54'30"	C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°29'59"	106°03'36"	10°27'33"	106°03'55"	C-48-45-A-a
kênh Ban Dầy	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°30'13"	106°03'55"	10°25'14"	106°04'58"	C-48-45-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Bồi Tường	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°27'35"	106°04'20"	10°27'10"	106°03'14"	C-48-45-A-a
kênh Chà Là	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°30'32"	106°02'05"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-45-A-a
Kênh Chùa	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°27'09"	106°04'08"	10°25'59"	106°04'02"	C-48-45-A-a
kênh Đường Nước	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°26'34"	106°03'08"	10°24'36"	106°02'30"	C-48-45-A-a
rạch Đập Đìa Dứa	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°25'24"	106°03'40"	10°24'37"	106°02'30"	C-48-45-A-a
rạch Long Lương	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°27'31"	106°03'50"	10°26'11"	106°03'33"	C-48-45-A-a
Rạch Muồng	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°26'33"	106°03'09"	10°25'57"	106°04'21"	C-48-45-A-a
Kênh Mới	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°24'53"	106°04'54"	10°23'43"	106°05'34"	C-48-45-A-a
kênh Phú Thuận	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°27'03"	106°05'26"	10°27'10"	106°04'31"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Làng	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°27'36"	106°05'27"	10°27'43"	106°04'20"	C-48-45-A-a
kênh Ranh Tổng	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°29'00"	106°05'28"	10°26'12"	106°05'29"	C-48-45-A-a
rạch Tân Lực	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°25'55"	106°02'56"	10°25'47"	106°03'40"	C-48-45-A-a
rạch Thôn Trác	TV	xã Phú Nhuận	H. Cai Lậy			10°25'32"	106°03'15"	10°25'24"	106°02'46"	C-48-45-A-a
ấp Bình Chánh Đông	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'47"	106°09'39"					C-48-45-A-d
ấp Bình Chánh Tây	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'36"	106°08'37"					C-48-45-A-d
ấp Bình Đức	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'54"	106°08'04"					C-48-45-A-d
ấp Bình Hòa A	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°19'28"	106°08'53"					C-48-45-A-d
ấp Bình Hòa B	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°19'41"	106°09'44"					C-48-45-A-d
ấp Bình Ninh	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°20'09"	106°10'53"					C-48-45-A-d
ấp Bình Thanh	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'31"	106°07'35"					C-48-45-A-d
ấp Bình Thạnh	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'55"	106°07'45"					C-48-45-A-c
ấp Bình Thuận	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°18'38"	106°09'05"					C-48-45-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
ấp Đông Hòa	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°19'16"	106°11'31"					C-48-45-A-d
ấp Tây Hòa	DC	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°19'03"	106°10'28"					C-48-45-A-d
Đường tỉnh 864	KX	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°21'04"	106°20'22"	10°20'10"	106°02'04"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
Đường tỉnh 868	KX	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°31'30"	106°04'54"	10°17'13"	106°06'34"	C-48-45-A-c
sông Bình Ninh	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°20'19"	106°10'28"	10°20'31"	106°11'10"	C-48-45-A-d
sông Cầu Gió	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°21'07"	106°09'39"	10°20'19"	106°10'28"	C-48-45-A-d
Cồn Cát	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy	10°19'13"	106°12'08"					C-48-45-A-d
rạch Mù U	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°20'47"	106°08'34"	10°18'29"	106°08'50"	C-48-45-A-d
rạch Mương Lộ	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°21'33"	106°11'05"	10°19'01"	106°11'14"	C-48-45-A-d
sông Năm Thôn	TV	xã Tam Bình	H. Cai Lậy			10°19'06"	106°03'38"	10°18'54"	106°12'14"	C-48-45-A-c; C-48-45-A-d
ấp Tân An	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°17'13"	106°05'02"					C-48-45-A-c
ấp Tân Bường A	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°18'15"	106°03'34"					C-48-45-A-c
ấp Tân Bường B	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°17'48"	106°04'10"					C-48-45-A-c
ấp Tân Luông A	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°18'47"	106°03'29"					C-48-45-A-c
ấp Tân Luông B	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°18'08"	106°04'21"					C-48-45-A-c
ấp Tân Thái	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°18'44"	106°02'16"					C-48-45-A-c
ấp Tân Thiện	DC	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°19'13"	106°01'56"					C-48-45-A-c
Cồn Bầu	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°17'48"	106°03'05"					C-48-45-A-c
Cồn Tre	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy	10°18'27"	106°02'19"					C-48-45-A-c
Rạch Đình	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy			10°18'29"	106°02'51"	10°18'57"	106°03'39"	C-48-45-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Miếu Bà	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy			10°18'46"	106°01'40"	10°17'18"	106°03'50"	C-48-45-A-c
rạch Tân An	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy			10°17'38"	106°04'36"	10°17'31"	106°05'13"	C-48-45-A-c
sông Tân Bường	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy			10°18'26"	106°02'58"	10°17'40"	106°05'03"	C-48-45-A-c
Sông Tiền	TV	xã Tân Phong	H. Cai Lậy			10°17'57"	105°50'11"	10°18'27"	106°26'48"	C-48-45-A-c
Ấp 1	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°31'20"	106°00'31"					C-48-33-C-c
Ấp 2	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°30'39"	106°01'18"					C-48-33-C-c
Ấp 3	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°30'40"	106°02'12"					C-48-33-C-c
Ấp 4	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°30'30"	106°02'27"					C-48-33-C-c
Ấp 5	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°28'13"	106°02'59"					C-48-45-A-a
Ấp 6	DC	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°28'46"	106°02'05"					C-48-45-A-a
cầu Kênh 10	KX	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy	10°30'38"	106°00'51"					C-48-33-C-c
Đường tỉnh 865	KX	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°32'34"	106°19'52"	10°30'45"	105°56'24"	C-48-33-C-c
Kênh 10	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°30'33"	106°00'54"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
Kênh 500	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'45"	106°02'26"	10°31'06"	106°02'26"	C-48-33-C-c
kênh Bà Trần	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'53"	106°01'13"	10°30'33"	106°01'13"	C-48-33-C-c
kênh Ba Xã	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°30'32"	106°02'42"	10°27'23"	106°03'35"	C-48-45-A-a
kênh Bồi Tường	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°27'35"	106°04'20"	10°27'10"	106°03'14"	C-48-45-A-a
kênh Cà Nhíp	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°32'00"	105°59'58"	10°30'33"	106°00'54"	C-48-33-C-c
kênh Chà Là	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°30'32"	106°02'05"	10°26'34"	106°03'08"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Đầu Ngàn	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'07"	105°59'58"	10°31'00"	106°04'09"	C-48-33-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
kênh Hai Biện	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°30'33"	106°01'39"	10°28'38"	106°02'32"	C-48-33-C-c; C-48-45-A-a
kênh Hai Hạt	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°32'14"	105°56'24"	10°31'26"	106°06'02"	C-48-33-C-c; C-48-32-D-d
kênh Kháng Chiến	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°28'32"	106°02'09"	10°28'42"	106°02'51"	C-48-45-A-a
kênh Kháng Chiến	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°28'38"	106°02'53"	10°28'06"	106°08'34"	C-48-45-A-a
kênh Nguyễn Văn Tiếp	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°30'35"	105°57'12"	10°32'40"	106°20'40"	C-48-33-C-c
kênh Tám Dư	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'50"	106°01'36"	10°30'33"	106°01'36"	C-48-33-C-c
kênh Thầy Cai	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'47"	106°02'10"	10°30'32"	106°02'05"	C-48-33-C-c
kênh Tư Đạt	TV	xã Thạnh Lộc	H. Cai Lậy			10°31'44"	106°02'43"	10°30'32"	106°02'42"	C-48-33-C-c

(Xem tiếp Công báo số 599 + 600)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng